



- Hãy mua sách in hợp pháp để ủng hộ các Đơn vị xuất bản và các Tác giả



ThuVienOnline



Trích – phần I

Là chồng, tôi đã làm điều sai trái mà tôi phải xin lỗi và hối cải; là tổng thống, tôi đang lâm vào một cuộc đấu về pháp lý và chính trị với những thế lực đang lạm dụng luật dân sự và hình sự cũng như triệt hạ những người vô tội trong âm mưu tiêu diệt nhiệm kỳ tổng thống của tôi và làm cho tôi không còn khả năng phụng sự nữa.

Tôi không hề hay biết rằng năm 1998 bắt đầu là năm lạ lùng nhất trong nhiệm kỳ tổng thống của tôi, một năm đầy nhục nhã cho riêng tôi, cuộc chiến chính sách trong nước và chiến thắng ở nước ngoài, và, bất chấp mọi rủi ro, một năm thể hiện sự thông thái khôn ngoan và chính trực căn bản của người Mỹ. Vì tất cả mọi chuyện xảy ra cùng lúc nên tôi buộc phải xoay mòng mòng giữa hai cuộc sống song song, ngoại trừ một điều là lần này những góc tối nhất trong cuộc sống nội tâm của tôi đã bị phơi bày trần trụi.

Tháng giêng bắt đầu bằng tín hiệu tích cực với ba sáng kiến: (1) số tình nguyện viên Thiệp nguyện Hòa bình tăng 50%, chủ yếu để ủng hộ những nền Dân chủ Mới nổi từ sau khi cộng sản sụp đổ; (2) chương trình chăm sóc trẻ em trị giá 22 tỷ đôla đã tăng gấp đôi số trẻ em trong các gia đình công nhân được hưởng chăm sóc cho trẻ em, đem lại khoản thuế tín dụng khuyến khích các chủ doanh nghiệp tổ chức cho nhân viên của họ được hưởng chính sách chăm sóc trẻ em, và mở rộng các chương trình cho trẻ em tuổi chưa đến trường và sau khi tốt nghiệp cho 500.000 trẻ em; và (3) đề nghị cho phép dân chúng "mua" Medicare, chương trình bảo hiểm cho người Mỹ 65 tuổi trở lên, ở độ tuổi 62 hoặc 55 nếu họ bị mất việc. Chương trình được thiết kế theo dạng tự lập về tài chính thông qua các khoản đóng phí khiêm tốn và các khoản thanh toán khác. Việc này rất cần thiết vì rất nhiều người Mỹ phải nghỉ việc sớm, vì cắt giảm biên chế, giảm quy mô, hoặc do họ lựa chọn, và họ không thể tìm được bảo hiểm có thể chịu được ở bất cứ nơi nào khác sau khi đã đánh mất khoản bảo hiểm do chủ doanh nghiệp cấp lúc còn đi làm.

Tuần thứ hai của tháng, tôi đến Nam Texas, một trong những nơi tôi ưa thích ở nước Mỹ để thúc giục hội sinh viên gốc nói tiếng Tây Ban Nha ở trường Trung học Mission giúp đỡ xóa bỏ ngăn cách giữa tỷ lệ thanh niên gốc nói tiếng Tây Ban Nha học ở trường với các thanh niên thuộc sắc dân khác bằng cách sử dụng các khoản trợ cấp học phí tăng đáng kể mà quốc hội đã chấp thuận từ năm 1997. Khi ở đó, tôi được thông báo rằng nền kinh tế của Indonesia đã sụp đổ, và bộ phận phụ trách kinh tế của tôi đã đến chi viện cho nạn nhân kế tiếp của cuộc khủng hoảng kinh tế ở châu Á; Thứ trưởng Ngân khố Larry Summers đến Indonesia nhằm củng cố thỏa thuận của chính phủ áp dụng cải tổ cần thiết để nhận được trợ giúp từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Ngày 13, rắc rối lại bùng nổ ở Iraq khi chính phủ của Saddam ngăn cản nhóm thanh tra của Liên hiệp quốc do người Mỹ đứng đầu, bắt đầu nỗ lực dai dẳng của Saddam buộc Liên hiệp quốc bỏ cấm vận để đổi lấy việc tiếp tục thanh tra vũ khí. Cùng ngày, Trung Đông tiến gần đến khủng hoảng khi chính phủ của Thủ tướng Netanyahu, lúc này vẫn chưa mở lại sân bay Gaza, cũng chưa đưa ra lối đi an toàn giữa Gaza và Bờ Tây, đã đặt cả tiến trình hòa bình vào vòng nguy hiểm bằng việc bỏ phiếu tiếp tục kiểm soát Bờ Tây vô thời hạn. Điểm sáng duy nhất trong bối cảnh thế giới vào tháng giêng là Nhà Trắng ký hiệp ước hợp tác NATO với các nước vùng Baltic, được thảo ra nhằm chính thức công nhận mối quan hệ an ninh của chúng ta và bảo đảm với họ rằng mục tiêu duy nhất của các nước NATO, kể cả Mỹ, là kết nạp Estonia, Lithuania và Latvia vào NATO và các tổ chức đa phương khác.

Ngày 14, trong Phòng phía Tây ở Nhà Trắng, tôi cùng Al Gore tuyên bố sẽ thúc đẩy Bộ luật Quyền của Bệnh nhân, đem lại cho người Mỹ chương trình bảo hiểm điều trị căn bản vốn thường bị từ chối, và Hillary đang bị Ken Starr tra hỏi lần thứ năm. Chủ đề của lần này là tại sao các hồ sơ FBI về người phe Cộng hòa lọt vào tay Nhà Trắng, việc mà Hillary không hề hay biết.

Ba ngày nữa, tôi phải ra cung khai về vụ Jones [1]. Tôi đã tập trả lời hàng loạt câu hỏi có thể có với các luật sư và tôi nghĩ mình đã được chuẩn bị khá kỹ, mặc dù hôm đó tôi không được khỏe lắm và chắc chắn không mong chờ ngày đối mặt với các luật sư của Viện Rutherford. Chánh thẩm phán Susan Webber Wright đã cho phép các luật sư của

Jones được điều tra kỹ lưỡng đời sống riêng tư của tôi, vì họ muốn tìm xem có hay không dấu hiệu quấy rối tình dục liên quan đến bất cứ người phụ nữ nào đã từng làm việc cho tiểu bang lúc tôi làm thống đốc hoặc làm cho liên bang khi tôi làm Tổng thống, trong khoảng thời gian 5 năm trước khi Jones tuyên bố bị quấy rối tình dục đến hiện tại. Thẩm phán Wright cũng nghiêm khắc chỉ đạo các luật sư của Jones không được rò rỉ bất cứ nội dung nào của bản cung khai hay những lĩnh vực khác trong tiến trình điều tra của họ.

Mục tiêu này lẽ ra đã có thể đạt được dễ dàng và đơn giản bằng cách chỉ cần trực tiếp hỏi tôi đã từng ở một mình với bất cứ nữ nhân viên nào của chính phủ hay chưa; sau đó các luật sư có thể hỏi những người phụ nữ ấy rằng tôi đã bao giờ quấy rối họ hay chưa. Tuy nhiên, như vậy có thể làm cho bản cung khai thành vô dụng. Đến lúc này, tất cả những ai liên quan đến vụ việc đều biết chẳng hề có bằng chứng về quấy rối tình dục. Tôi chắc chắn rằng các luật sư muốn buộc tôi công nhận có dính líu bất kể như thế nào với một hoặc vài phụ nữ, rồi họ sẽ vi phạm quy định của thẩm phán mà rò rỉ thông tin ra cho báo chí. Nhưng hóa ra, tôi còn chưa ngờ nổi đến một nửa của sự việc.

Sau khi tôi tuyên thệ, buổi cung khai bắt đầu bằng việc các luật sư Viện Rutherford yêu cầu thẩm phán công nhận định nghĩa "quan hệ tình dục" mà họ cố tình tìm ra trong một tài liệu pháp lý. Về căn bản, định nghĩa này chỉ ra "quan hệ tình dục" nghĩa là tất cả những tiếp xúc thân mật hơn nộ hôn do người được hỏi thực hiện để thể hiện sự biết ơn hay do bị kích thích. Định nghĩa này dường như đòi hỏi phải có hành động cụ thể và tâm trạng nhất định từ phía tôi, trong khi bao gồm bất cứ hành động nào của người khác. Các luật sư nói họ cố gắng tránh cho tôi những câu hỏi gây ngượng ngùng.

Tôi ở đó vài tiếng đồng hồ, chỉ có khoảng 10 hay 15 phút dành cho Paula Jones. Hầu hết thời gian còn lại dành cho các đề tài khác nhau không hề liên quan đến Jones, kể cả rất nhiều câu hỏi về Monica Lewinsky, người thực tập trong Nhà Trắng hồi mùa hè năm 1995 và sau đó là nhân viên từ tháng 12 đến đầu tháng 4, khi cô ấy được chuyển sang Lầu năm góc. Các luật sư hỏi, cùng với nhiều vấn đề khác, rằng tôi biết cô ấy đến mức nào, chúng tôi đã bao giờ tặng quà cho nhau chưa, chúng tôi đã từng nói chuyện qua điện thoại chưa, và tôi có "quan hệ tình dục" với cô ấy không. Tôi thông báo về các buổi trò chuyện giữa chúng tôi, thú nhận là có tặng quà cho cô ấy, và đối với câu hỏi về "quan hệ tình dục", tôi trả lời không.

Các luật sư Viện Rutherford hỏi đi hỏi lại chừng ấy câu hỏi chỉ hơi khác chút ít. Khi chúng tôi nghỉ giải lao, bộ phận pháp lý của tôi khá lo lắng vì tên của Lewinsky xuất hiện trong danh sách nhân chứng tiềm năng của bên nguyên mới đầu tháng 12, và cô ấy đã nhận được trát gọi ra tòa làm nhân chứng hai tuần sau đó. Tôi không nói cho họ biết mối quan hệ của tôi với cô ấy, nhưng tôi nói tôi không chắc là đã hiểu chính xác cái định nghĩa gây tò mò kia về quan hệ tình dục có nghĩa gì. Và họ cũng thế. Đầu buổi lấy lời khai, luật sư của tôi, Bob Bennett đã mời các luật sư Viện Rutherford đặt ra những câu hỏi cụ thể và không mập mờ về mối quan hệ của tôi với phụ nữ. Cuối buổi nói chuyện về Lewinsky, tôi hỏi luật sư đang hỏi tôi rằng có điều gì còn chưa rõ ràng mà anh muốn hỏi tôi hay không. Một lần nữa anh ta từ chối hỏi thêm. Thay vì thế, anh ta nói: "Thưa ngài, tôi nghĩ điều này sẽ nhanh chóng được đưa ra ánh sáng, và ngài sẽ hiểu".

Tôi thấy nhẹ người nhưng vẫn thấy lo lắng khi luật sư dường như không muốn hỏi tôi những câu hỏi cụ thể, và có vẻ cũng chẳng muốn lấy câu trả lời của tôi. Nếu anh ta hỏi cụ thể, tôi sẽ trả lời trung thực, dù chắc là chẳng thích thú gì. Trong khi chính phủ cắt giảm hội cuối năm 1995, khi rất ít người được phép đến làm việc trong Nhà Trắng, và những người làm ở Nhà Trắng thường làm việc trễ, tôi đã gặp gỡ một cách không thích hợp với Monica Lewinsky và tiếp tục gặp gỡ như vậy trong những dịp khác giữa tháng 11 và tháng 4 khi cô ấy rời Nhà Trắng sang làm ở Lầu năm góc. Trong mười tháng tiếp theo, tôi không gặp cô ấy mặc dù thỉnh thoảng chúng tôi nói chuyện qua điện thoại.

Tháng 2 năm 1997, Monica làm khách trong một buổi nói chuyện qua radio hàng tuần của tôi, sau đó tôi lại gặp cô ấy một mình trong khoảng 15 phút. Tôi ghê tởm mình vì đã làm như vậy, và mùa xuân, khi gặp lại, tôi nói với cô ấy rằng như vậy là sai trái đối với tôi, với gia đình tôi, với cô ấy, và tôi không thể tiếp tục như vậy. Tôi cũng nói với cô ấy rằng cô ấy là người thông minh và thú vị, một người có thể có một cuộc đời tươi đẹp, và nếu cô ấy muốn, tôi có thể làm bạn và giúp đỡ cô ấy.

Monica tiếp tục thăm viếng Nhà Trắng, thỉnh thoảng tôi gặp cô ấy nhưng không có gì đen tối xảy ra cả. Tháng 10, cô ấy nhờ tôi giúp xin việc ở New York, và tôi đã giúp. Cô ấy nhận được hai lời mời và đã nhận một, cuối tháng 12, cô ấy đến Nhà Trắng để chia tay. Lúc đó, cô ấy đã nhận được trát hầu tòa vụ Jones. Cô ấy nói cô ấy không muốn lấy lời khai, và tôi nói một số phụ nữ đã tránh bị tra hỏi bằng cách viết các bản khai có tuyên thệ, nói rằng tôi không hề quấy rối tình dục họ.

Những gì tôi đã làm với Monica Lewinsky là trái đạo đức và ngu ngốc. Tôi rất xấu hổ về việc đó và tôi không muốn lộ ra ngoài. Trong buổi lấy lời khai, tôi cố gắng bảo vệ gia đình và bản thân tôi trước sự ngu ngốc của mình. Tôi tin rằng định nghĩa khiên cưỡng về "quan hệ tình dục" cho phép tôi làm như vậy, mặc dù tôi lo lắng về việc này đến mức mời gọi luật sư hỏi tôi những câu hỏi cụ thể. Tôi không phải chờ lâu để biết vì sao anh ta từ chối làm như vậy.

Ngày 21 tháng giêng, tờ Washington Post mở đầu bằng một bài báo rằng tôi đã ngoại tình với Monica Lewinsky, rằng Kenneth Starr đang điều tra xem có phải tôi khuyến khích cô ấy nói dối trong tình trạng đã tuyên thệ hay không. Câu chuyện xuất hiện trước công chúng lần đầu tiên sáng ngày 18, trên một trang web. Buổi lấy lời khai là một cái bẫy; gần bốn năm sau khi đề nghị giúp Paula Jones, cuối cùng Starr đã tiếp cận được vụ án của cô ấy.

Mùa hè năm 1996, Monica Lewinsky bắt đầu nói chuyện với đồng nghiệp là Linda Tripp về mối quan hệ của cô ấy với tôi. Một năm sau, Tripp bắt đầu ghi âm các cuộc trò chuyện qua điện thoại giữa họ. Tháng 10 năm 1997, Tripp đề nghị mở băng cho phóng viên tờ Newsweek nghe, và người nghe là Lucianne Goldberg, một người Cộng hòa bảo thủ chuyên quan hệ với truyền thông. Tripp đã nhận được lệnh hầu tòa trong vụ Jones, mặc dù bà ta chưa bao giờ có mặt trong danh sách nhân chứng được gửi cho các luật sư của tôi.

Chiều muộn thứ hai, ngày 12 tháng giêng, 1998, Tripp gọi đến văn phòng của Starr, mô tả cuốn băng bí mật mà bà ta ghi lại lời của Lewinsky, và thu xếp chuyển những cuộn băng này cho Starr. Bà ta lo lắng về khả năng phạm pháp của chính mình, vì theo luật Maryland thì lén ghi băng như vậy là vi phạm, nhưng người của Starr hứa sẽ bảo vệ bà ta. Ngày kế tiếp, Starr yêu cầu đặc vụ FBI lắp đặt thiết bị cho Tripp để có thể lén ghi âm lại cuộc trò chuyện với Lewinsky trong bữa trưa ở Ritz-Carlton tại khu thương mại Pentagon City. Vài ngày sau, Starr xin phép Bộ Tư pháp được mở rộng thẩm quyền trong việc điều tra Lewinsky, và rõ ràng ông ta kém phần trung thực về động cơ của lời đề nghị này.

Ngày 16, một ngày trước khi tôi lấy lời khai, Tripp thu xếp gặp lại Lewinsky ở khách sạn. Lần này Monica được đặc vụ FBI và công tố viên tiếp đón, họ đưa cô ấy lên phòng, tra hỏi trong mấy tiếng đồng hồ và khuyên cô ấy không nên gọi luật sư. Một trong các luật sư của Starr nói cô ấy nên hợp tác nếu muốn tránh vào tù và đề nghị cho cô ta quyền miễn trừ đến nửa đêm. Lewinsky cũng bị ép phải đeo máy ghi âm trên người để bí mật thu lại nội dung cuộc trò chuyện với những người dính líu khác. Cuối cùng, Monica cũng được gọi cho mẹ cô ấy, bà liên lạc ngay với người cha đã ly dị từ lâu. Ông ấy gọi cho luật sư, William Ginsburg, ông này khuyên Monica không chấp nhận quyền miễn trừ kia cho đến khi ông điều tra thêm về vụ việc, và ông cũng chỉ trích Starr vì giữ khách hàng của ông "trong 8 hay 9 giờ đồng hồ mà không có luật sư" và vì đã ép buộc cô ấy phải đeo máy để ghi âm những người khác.

Sau khi câu chuyện được công bố, tôi gọi cho David Kendall và cam đoan rằng tôi không cố tình khai man hay cản trở công lý. Điều rõ ràng đối với cả hai chúng tôi là Starr đang cố gắng tạo ra một cơn bão nhằm đẩy bật tôi khỏi vị trí tổng thống. Ông ta bắt đầu khá thuận lợi, nhưng tôi nghĩ nếu tôi chịu đựng được phản ứng của công chúng trong hai tuần đầu thì khói sẽ dần tan, và báo chí và công chúng sẽ nhìn rõ hơn chiến thuật của Starr, và có cách nhìn cân bằng hơn về vụ việc. Tôi biết tôi đã mắc phải sai lầm nghiêm trọng, và tôi quyết định không làm cho nó tồi tệ hơn bằng cách để cho Starr hất tôi ra khỏi cương vị của mình. Nhưng lúc đó, tình hình cực kỳ điên loạn.

Tôi tiếp tục làm việc, và dựng lên một bức tường đá, bác bỏ việc đã xảy ra với tất cả mọi người: Hillary, Chelsea, nhân viên và nội các, bạn bè tôi trong quốc hội, báo chí, và người dân Mỹ. Điều làm tôi hối tiếc nhất, ngoài cách hành xử cá nhân của tôi, chính là việc tôi đã lừa dối họ. Từ năm 1991, tôi đã bị gọi là kẻ nói dối về tất cả mọi việc dưới gầm trời này, trong khi thực ra tôi rất trung thực về cuộc sống chính trị cũng như các vụ việc liên quan đến tài chính, như kết quả của tất cả các cuộc điều tra đã cho thấy. Bây giờ thì tôi lại đã lừa dối tất cả mọi người về những thất bại trong cuộc sống cá nhân tôi. Tôi thấy ngượng ngùng và muốn giữ kín nội vụ trước vợ và con gái. Tôi không muốn giúp Ken Starr kết án cuộc sống riêng tư của tôi, tôi không muốn người Mỹ biết tôi đã làm họ thất vọng. Giống như tôi đang sống trong cơn ác mộng. Tôi lại quay về với cuộc sống hai mặt với đầy hận thù.

Vào ngày câu chuyện được đăng tải, tôi thực hiện buổi phỏng vấn đã được lên kế hoạch từ trước với Tim Lehrer của chuyên mục NewsHour, hãng PBS. Tôi đáp lại các câu hỏi của anh ấy rằng tôi đã không yêu cầu ai phải nói dối, điều này là thật, và rằng "không có mối quan hệ nào không chính đáng". Mặc dù việc không chính đáng đã kết thúc từ lâu

trước khi Lehrer đặt câu hỏi, nhưng câu trả lời của tôi vẫn gây hiểu lầm, và tôi rất xấu hổ khi nói với Lehrer như vậy; từ đó trở đi, bất cứ khi nào có thể, tôi chỉ nói tôi chưa bao giờ yêu cầu ai đừng nói sự thật.

Chú thích:

[1] Ngày 17/1/1998, xuất hiện những ý kiến đòi phế truất Bill Clinton trong vụ Paula Jones, một trong những nữ cộng sự cũ đang tố cáo ông về tội quấy rối tình dục - eVăn chú thích.

Trích - phần 2

Anh ấy muốn biết, sau những đau đớn và tất cả các bài báo về đời tư của tôi, thì "đến lúc nào tôi sẽ coi là việc này không đáng nữa, và ông có nghĩ đến chuyện từ chức hay không?". "Không bao giờ", tôi trả lời.

Trong khi tất cả những việc này đang diễn ra, tôi vẫn phải tiếp tục công việc của mình. Ngày 20, tôi gặp Thủ tướng Netanyahu ở Nhà Trắng để bàn về kế hoạch rút quân từng phần khỏi Bờ Tây của ông. Netanyahu quyết định thúc đẩy tiến trình hòa bình miễn là ông có được "hòa bình kèm theo an ninh". Đó là một động thái mạnh dạn vì liên minh cầm quyền của ông vẫn còn lung lay, nhưng ông có thể thấy rằng nếu ông không hành động thì tình hình có thể nhanh chóng vượt ngoài tầm kiểm soát.

Hôm sau, Arafat đến Nhà Trắng. Tôi thông báo cho ông về kết quả đầy khích lệ của cuộc gặp giữa tôi và Netanyahu, cam đoan với ông rằng tôi đang thúc giục thủ tướng thi hành nghĩa vụ đầy đủ của Israel theo tiến trình hòa bình, nhắc ông nhớ những vấn đề chính trị mà lãnh đạo Israel phải đối mặt, và nói, như tôi vẫn thường nói, rằng ông ấy phải tiếp tục chống khủng bố nếu muốn Israel tiến lên trước. Ngày tiếp theo, Mir Aimal Kansi bị kết án tử hình vì đã giết hai đặc vụ CIA hồi tháng giêng năm 1993, hành động khủng bố đầu tiên trong nhiệm kỳ tổng thống của tôi.

Đến ngày 27 tháng giêng, ngày công bố Thông điệp Liên bang, người Mỹ đã ú ớ tới cổ trong một tuần đầy những bản tin về cuộc điều tra của Starr, và tôi cũng trải qua một tuần vật lộn với nó. Starr đã gửi lệnh gọi ra tòa đến khá nhiều nhân viên Nhà Trắng và yêu cầu được kiểm tra hồ sơ của chúng tôi. Tôi đã nhờ Harold Icked và Mickey Kantor giúp xử lý vụ việc. Một ngày trước ngày công bố thông điệp, Harold và Harry Thomason cảm thấy tôi đã quá chung chung khi bình luận công khai, nên thúc giục tôi miễn cưỡng xuất hiện trước báo chí nói rằng "tôi không có quan hệ tình dục" với Lewinsky.

Buổi sáng ngày công bố thông điệp, trên chương trình Today của truyền hình NBC, Hillary nói cô ấy không tin vào những cáo buộc chống lại tôi, và rằng "một âm mưu to lớn của phe cánh hữu" đang cố gắng phá chúng tôi kể từ chiến dịch vận động năm 1992. Starr sau đó lập tức chửi bới một cách vô đạo đức về chuyện Hillary nghi vấn động cơ của ông ta. Mặc dù cô ấy nói đúng bản chất vấn đề, nhưng việc phải thấy Hillary đứng ra bảo vệ tôi càng làm cho tôi thấy xấu hổ hơn về những việc đã làm.

Cuộc phỏng vấn khó khăn của Hillary và phản ứng vui buồn lẫn lộn của tôi là bằng chứng rõ ràng về tình huống khó khăn mà tôi tự đặt mình vào: Là chồng, tôi đã làm điều sai trái mà tôi phải xin lỗi và hối cải; là tổng thống, tôi đang lâm vào một cuộc đấu về pháp lý và chính trị với những thế lực đang lạm dụng luật dân sự và hình sự cũng như triệt hạ những người vô tội trong âm mưu tiêu diệt nhiệm kỳ tổng thống của tôi và làm cho tôi không còn khả năng phụng sự nữa.

Cuối cùng, sau nhiều năm họ hoài công tìm kiếm, tôi đã cho họ có thứ để vin vào. Tôi đã làm thương tổn nhiệm kỳ tổng thống và người dân bởi hành xử cá nhân sai trái của mình. Đó không của ai khác mà chính là lỗi của tôi. Tôi không muốn làm cho lỗi lầm trầm trọng thêm bằng cách để cho đối phương lấn lướt.

Lúc 9 giờ tối, tôi bước vào hạ viện chật cứng người, sự căng thẳng thấy rõ ở đây cũng như trong phòng khách khắp nước Mỹ, nơi có nhiều người xem tivi hơn lần đầu tôi công bố Thông điệp Liên bang. Câu hỏi lớn là tôi có đề cập đến những tranh cãi về vụ Lewinsky hay không. Tôi bắt đầu bằng những vấn đề không gây tranh cãi. Đất nước đang phát triển với 14 triệu việc làm mới, thu nhập tăng, tỷ lệ sở hữu nhà cao nhất chưa từng có, số người sống nhờ trợ cấp thấp nhất trong vòng 27 năm qua, và chính phủ liên bang nhỏ nhất trong vòng 35 năm. Kế hoạch kinh tế năm 1993 đã cắt giảm thâm hụt, dự tính đạt 357 tỷ đôla trong năm 1998, giảm 90%, và một kế hoạch cân bằng ngân sách của năm trước sẽ xóa hẳn thâm hụt.

Sau đó tôi trình bày kế hoạch của tôi cho tương lai. Trước hết, tôi đề nghị trước khi chi tiêu khoản thặng dư sắp có vào các chương trình mới hoặc vào việc cắt giảm thuế, chúng tôi nên để dành đầu tư vào an sinh xã hội để phòng khi thế hệ baby-boom đến tuổi hưu trí. Về giáo dục, tôi đề nghị gây quỹ để thuê 100.000 giáo viên mới và giảm sĩ số các lớp học xuống còn 18 học sinh ở ba lớp đầu tiểu học; một kế hoạch giúp các cộng đồng hiện đại hóa hoặc xây 5.000 trường học; và giúp các trường chấm dứt thực trạng “cứ đến tuổi là cho lên lớp”, bằng cách gây quỹ để tổ chức các lớp học thêm hè hoặc sau giờ học. Tôi tái khẳng định sự ủng hộ của mình đối với Bộ luật Quyền của Bệnh nhân, mở ra chương trình Medicare cho người Mỹ tuổi từ 55 đến 65, mở rộng đạo luật Nghị phép y tế và việc gia đình, và kêu gọi mở rộng hơn nữa chương trình giúp chăm sóc trẻ em để giúp đỡ thêm một triệu trẻ em.

Về mặt an ninh, tôi kêu gọi quốc hội ủng hộ trong việc chống lại “trục hắc ám những nguy cơ mới từ khủng bố, tội phạm quốc tế và buôn ma túy”; kêu gọi thương viện chấp thuận mở rộng NATO; và tiếp tục rút tiền cho nhiệm vụ của chúng ta ở Bosnia và nỗ lực chống lại nguy cơ vũ khí hóa học và sinh học cũng như những tên khủng bố và tội phạm có tổ chức muốn sử dụng chúng.

Phần cuối bài nói của tôi liên quan đến đề nghị đoàn kết nước Mỹ và cùng nhìn về tương lai: tăng gấp ba số vùng xóa nghèo; khởi động kế hoạch làm sạch nguồn nước cho các sông, hồ và vùng duyên hải; cắt giảm thuế sáu tỷ đôla và tìm kiếm nguồn tài trợ cho phát triển xe hơi dùng nhiên liệu thích hợp, nhà năng lượng sạch, và năng lượng tái tạo; cấp ngân sách cho Internet “thế hệ mới” để chuyển giao thông tin nhanh hơn hiện tại hàng

ngàn lần; gây quỹ cho Ủy ban Cơ hội Việc làm Công bằng, do không được quốc hội ưu ái, đã không có nguồn lực để giải quyết 60 ngàn trường hợp dồn đống các vụ vi phạm ở nơi làm việc. Tôi cũng đề nghị gia tăng ngân quỹ lớn nhất trong lịch sử cho Viện Sức khỏe Quốc gia, Viện Ung thư Quốc gia và Tổ chức Khoa học Quốc gia để "thế hệ chúng ta sẽ là thế hệ thắng được cuộc chiến với ung thư và bắt đầu cải cách trong cuộc chiến với các căn bệnh chết người khác".

Tôi kết thúc bài nói bằng lời cảm ơn Hillary đã dẫn dắt cuộc vận động thiên niên kỷ của chúng ta nhằm gìn giữ báu vật của nước Mỹ, trong đó có việc phục chế Dải băng Ngôi sao đã cũ rách từng đem lại cảm hứng cho Francis Scott Key viết nên bài quốc ca trong Cuộc chiến năm 1812.

Không hề có một lời nào nhắc đến vụ xìcăngđan, và ý tưởng mới lớn nhất là "duy trì an ninh xã hội trước". Tôi lo sợ quốc hội vướng vào cuộc chiến căng thẳng về số tiền thặng dư ngân sách sắp có và sẽ phung phí nó vào các khoản cắt giảm thuế và chi tiêu trước khi chúng tôi giải quyết xong lương hưu cho thế hệ baby-boom. Hầu hết các đảng viên Dân chủ đồng ý với tôi, và hầu hết người phe Cộng hòa phản đối, mặc dù trong những năm sắp tới, chúng tôi sẽ tổ chức rất nhiều diễn đàn lưỡng đảng ở khắp đất nước, mà trong đó, cho dù bất cứ việc gì xảy ra, chúng tôi đều cố gắng tìm tiếng nói chung, tranh luận với nhau cách thực hiện an sinh hưu trí thay vì cãi cọ có nên làm như vậy hay không.

Hai ngày sau buổi công bố, thẩm phán Wright ra lệnh tất cả các bằng chứng liên quan đến Monica Lewinsky phải được rút khỏi vụ của Jones vì nó "không liên quan đến cốt lõi chính của vụ kiện", khiến cho việc Starr yêu cầu tôi lấy lời khai càng có vẻ đáng nghi ngờ, vì muốn buộc tội khai man là phải có việc khai sai trái một cách "cụ thể". Ngày cuối cùng của tháng, 10 ngày sau khi cơn bão nổ ra, tờ Chicago Tribune công bố kết quả thăm dò cho thấy tỷ lệ ủng hộ tôi tăng lên đến 72%. Tôi quyết định cho người Mỹ thấy rằng tôi vẫn đang làm việc tốt và đem lại kết quả cho họ.

Ngày 5 và 6 tháng 2, Tony và Cherie Blair đến Mỹ trong chuyến thăm cấp cao hai ngày. Họ là tâm điểm thu hút sự chú ý gay gắt đang nhắm vào Hillary và tôi. Họ làm chúng tôi cười, và Tony công khai ủng hộ tôi mạnh mẽ, nhấn mạnh cách giải quyết rất giống nhau của hai chúng tôi về các vấn đề kinh tế và xã hội và về chính sách đối ngoại. Chúng tôi đưa họ đến Trại David để ăn tối với Al và Tipper Gore, và tổ chức một bữa tiệc cao cấp tại Nhà Trắng có sự góp vui của Elton John và Stevie Wonder. Sau bữa tiệc, Hillary nói với tôi rằng Newt Gingrich, ngồi cùng bàn với cô ấy và Tony Blair, đã nói những lời buộc tội tôi là "kỳ quặc" và "vô nghĩa", kể cả nếu đúng là như vậy, thì cũng "sẽ không đi đến đâu".

Trong buổi họp báo, sau khi Tony nói rằng tôi không chỉ là đồng nghiệp mà còn là bạn của anh, thì Mike Frisby, phóng viên tờ Wall Street Journal, cuối cùng đưa ra câu hỏi mà tôi chờ đợi lâu nay. Anh ấy muốn biết, sau những đau đớn và tất cả các bài báo về đời tư của tôi, thì "đến lúc nào tôi sẽ coi là việc này không đáng nữa, và ông có nghĩ đến chuyện từ chức hay không?". "Không bao giờ", tôi trả lời. Tôi nói tôi đã cố gắng đặt cuộc sống riêng tư tránh xa chính trị, nhưng tôi càng cố gắng bao nhiêu, "thì những người khác càng cố gắng kéo chúng vào theo hướng khác bấy nhiêu". Tuy nhiên, "tôi sẽ không bao giờ rời

bỏ nhân dân của đất nước này và cả niềm tin mà họ đã đặt vào tôi", vì thế, "tôi sẽ vẫn cứ đi làm".

Giữa tháng, trong khi Tony Blair và tôi tiếp tục tìm kiếm sự ủng hộ trên thế giới để bắt đầu không kích Iraq nhằm trả đũa cho hành động trục xuất các thanh sát viên của Liên hiệp quốc thì Kofi Annan ký kết một thỏa thuận vào phút cuối với Saddam Hussein để tiếp tục các cuộc thanh sát. Có vẻ như Saddam không bao giờ hành động trừ khi bị ép buộc.

Bên cạnh việc khởi động các sáng kiến, tôi dành thời gian cho chiến dịch của McCain-Feingold vận động cho dự luật cải tổ ngân sách mà các đảng viên Cộng hòa của thượng viện đã gạt bỏ vào cuối tháng; bổ nhiệm cố vấn trưởng về y tế công cộng mới, bác sĩ David Satcher, giám đốc của Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh (CDC); đến thăm trung tâm Florida nơi bị cơn lốc tàn phá; công bố khoản tiền đầu tiên giúp các cộng đồng củng cố nỗ lực ngăn chặn bạo lực nhằm vào phụ nữ; và gây quỹ giúp các đảng viên Dân chủ trong kỳ bầu cử sắp tới.

Cuối tháng giêng và tháng 2, một vài nhân viên Nhà Trắng được gọi ra trước bồi thẩm đoàn. Tôi rất buồn khi họ bị dính vào những việc như thế này, đặc biệt là với Betty Currie, người trước đây từng thử kết bạn với Monica Lewinsky và bây giờ đang bị trừng phạt vì việc đó. Tôi cũng thấy áy náy khi Vernon Jordan cũng bị cuốn vào vòng. Chúng tôi đã là bạn trong nhiều năm qua, và nhiều lần tôi thấy anh giúp đỡ những người đang gặp khó khăn. Bây giờ, chỉ vì tôi mà anh trở thành mục tiêu săn đuổi. Tôi biết anh không hề làm gì sai trái, và hy vọng một ngày nào đó anh có thể sẽ tha thứ cho tôi vì đã kéo anh vào đồng bầy này.

Starr cũng gọi Sidney Blumenthal, phóng viên và bạn cũ của Hillary và tôi, người đã đến Nhà Trắng làm việc hồi tháng 7 năm 1997. Theo tờ Washington Post, Starr đang thăm dò xem những lời Sid chỉ trích ông ta có phải là hành động cản trở công lý hay không. Đó là biểu hiện đáng sợ cho thấy Starr nhạy cảm thế nào trước những lời chỉ trích, và ông ta rất hăng hái dùng quyền lực của mình để chống lại bất cứ ai chỉ trích ông ta. Starr cũng gửi lệnh gọi ra tòa hai thám tử tư, những người này được tờ National Enquirer thuê để xác minh một tin đồn rằng ông ta đã lăng nhăng với một phụ nữ ở Little Rock. Lời đồn đó sai, rõ ràng là một vụ nhận nhầm đối tượng, nhưng một lần nữa, nó cho thấy có một tiêu chuẩn kép ở đây. Starr dùng nhân viên FBI và thám tử tư để nhòm ngó đời tư của tôi, nhưng khi một tờ lá cải nhòm ngó đời tư của ông ta thì ông ta lập tức quay sang tấn công họ.

Chiến thuật của Starr bắt đầu thu hút sự chú ý của báo chí. Tờ Newsweek đã đăng tải một biểu đồ to hai trang, có tên "Âm mưu hay Trùng hợp", vẽ ra các đường dây liên hệ của hơn 20 nhà hoạt động và tổ chức bảo thủ đã từng khuyến khích và cấp tài chính cho các "xìcăngđan" mà Starr đang điều tra. Tờ Washington Post cho đăng một bài viết, trong đó có nhiều cựu công tố viên liên bang thể hiện thái độ khó chịu không chỉ với việc Starr tập trung vào hạnh kiểm của cá nhân tôi, "mà còn với kho thuốc súng mà ông ta dự trữ để theo đuổi một vụ kiện đưa tổng thống ra tòa".

Starr đặc biệt bị phê phán vì đã ép buộc mẹ của Monica Lewinsky, rõ ràng khi bà này không muốn, ra đời chứng. Các quy định liên bang, mà Starr lẽ ra phải tuân theo, nói rằng các thành viên gia đình thường không bị ép phải ra đời chứng trừ khi họ dự phần vào hành động phạm tội đang được điều tra, hoặc bên "công tố có những quan tâm đặc biệt". Đầu tháng 2, theo thăm dò của NBC News, chỉ có 26% người Mỹ nghĩ rằng Starr đang thực hiện yêu cầu chính đáng.

Câu chuyện còn tiếp diễn sang tháng 3. Lời lấy cung của tôi về vụ Jones bị rò rỉ, rõ ràng do ai đó bên phía Jones. Mặc dù thăm phán liên tục cảnh báo các luật sư Viện Rutherford không được để lộ ra ngoài, nhưng không ai bị trừng phạt. Ngày 8, Jim McDougal chết trong nhà tù liên bang ở Texas, một kết cục buồn và trở trêu cho sự trượt dốc dài của anh ta. Theo Susan McDougal, Jim đã thay đổi câu chuyện cho vừa ý Starr và Hick Ewing bởi vì anh ta không muốn chết trong tù.

Giữa tháng, chương trình 60 Minutes phát buổi phỏng vấn một phụ nữ tên là Kathleen Willey, cô này cho rằng tôi đã ve vãn cô ta khi cô ta làm việc trong Nhà Trắng. Sự thật không phải như vậy. Chúng tôi có bằng chứng cho thấy dấu hiệu đáng ngờ trong câu chuyện của cô ta, kể cả lời cam đoan của bạn cô ta là Julie Hiatt Steele. Steele cho biết Willey đã nhờ cô nói dối rằng Willey đã kể cho Steele về chuyện xảy ra ngay sau đó, trong khi sự thực cô ta không hề nói gì.

Chồng của Willey đã tự sát, để lại cho cô ta món nợ 200.000 đôla. Trong vòng một tuần, báo chí viết rằng sau khi tôi gọi điện chia buồn về cái chết của chồng cô ta, cô ta lại nói với mọi người là tôi sẽ đến dự đám tang; việc này xảy ra sau sự kiện "ve vãn" kia. Dần dần chúng tôi công bố hàng tá thư từ mà Willey đã gửi cho tôi sau thời điểm mà "sự kiện ve vãn" được coi là đã diễn ra, trong thư nói những điều kiểu như cô ta là "fan hâm mộ số một" của tôi, và rằng cô ta muốn giúp tôi "bằng bất cứ cách nào có thể". Sau khi có một bài báo viết cô ta đòi giá 300.000 đôla để kể chuyện "ve vãn" nợ cho một tờ báo lá cải hay trong một cuốn sách thì câu chuyện rơi vào quên lãng.

Tôi đề cập đến câu chuyện buồn của Willey ở đây là để cho thấy cách hành xử của Starr trước việc này. Trước hết, trong một động thái hết sức không bình thường, ông ta cho Willey "quyền miễn trừ" - sự bảo hộ hoàn toàn trước bất cứ lời buộc tội nào – miễn là cô ta nói cho Starr "sự thật". Khi cô ta bị bại lộ là đã không trung thực về một số chi tiết không được đảng hoàng liên quan đến một người đàn ông khác, thì Starr lại cho cô ta quyền miễn trừ thêm một lần nữa. Ngược lại, khi Julie Hiatt Steele, một đảng viên Cộng hòa có đảng ký, từ chối thay đổi lời khai hoặc dối trá cho Starr, ông ta lập tức truy tố Steele. Mặc dù cô ấy không bị kết án nhưng cũng đã bị khuyh gia bại sản. Thậm chí văn phòng của Starr còn điều tra việc cô nhận con nuôi người Romania có hợp pháp hay không nữa.

Ngày Thánh Patrick, tôi gặp gỡ các lãnh đạo của tất cả các đảng phái chính trị ở Bắc Ireland đang tham gia trong tiến trình hòa bình, và đã kéo dài chuyến viếng thăm cùng với Gerry Adams và David Trimble. Tony Blair và Bertie Ahern muốn đạt đến một thỏa thuận. Vai trò của tôi về căn bản là tiếp tục cam kết và thúc đẩy tất cả các đảng phái tham

gia vào hệ thống mà George Mitchell đang xây dựng. Những thỏa hiệp khó khăn vẫn còn ở phía trước, nhưng tôi tin họ sẽ đạt được.

Trích - phần 3

Vài ngày sau, Hillary và tôi bay đến châu Phi, cách xa khỏi bầu không khí sôi sục ở nhà. Châu Phi là châu lục mà Mỹ bỏ qua từ bao lâu nay, và là nơi tôi tin rằng sẽ đóng vai trò quan trọng trong thế kỷ 21.

Tôi rất mừng là Hillary đi cùng tôi; cô ấy rất thích chuyến đi cùng với Chelsea hồi năm ngoái đến châu Phi, và chúng tôi cần thời gian ở bên nhau cách xa mọi người.

Chuyến thăm bắt đầu từ Ghana, nơi Tổng thống Jerry Rawlings và phu nhân Nana Konadu Agyemang cho chúng tôi một khởi đầu đầy cảm hứng bằng cách đưa chúng tôi đến dự một buổi lễ ở Quảng trường Độc lập; nơi đây có hơn nửa triệu người đang tập họp. Chúng tôi được đưa lên sân khấu cùng với thủ lĩnh bộ tộc trong trang phục sặc sỡ vải kente của thổ dân và nghe giai điệu châu Phi do một vài người Ghana đánh cái trống lớn nhất mà tôi từng thấy.

Tôi thích Rawlings và trân trọng một điều rằng sau khi đảo chính quân sự giành quyền lực, ông đã được bầu làm tổng thống và sau đó lại tái đắc cử, và ông cam kết sẽ rời chức năm 2000. Bên cạnh đó, chúng tôi có mối liên kết gián tiếp trong gia đình: khi Chelsea ra đời, một bà mẹ người Ghana đến Arkansas để học đã giúp đỡ đẻ. Hillary và tôi càng về sau càng yêu mến Hagar Sam và rất mừng khi biết bà ấy cũng đã giúp đỡ đẻ cho bốn đứa con của Rawlings.

Ngày 24, chúng tôi ở Uganda gặp gỡ Tổng thống Yoweri Museveni và phu nhân Janet. Uganda tiến rất xa kể từ khi thoát khỏi chế độ độc tài của Idi Amin. Chỉ mới vài năm trước, đất nước này có tỷ lệ người nhiễm HIV cao nhất châu Phi. Với một chiến dịch vận động mang tên "tiếng vang lớn", tỷ lệ người chết đã giảm xuống một nửa nhờ tập trung vào kiêng cử, giáo dục, hôn nhân và bao cao su.

Bốn chúng tôi đến thăm hai ngôi làng nhỏ, Mukono và Wanyange, để nêu bật tầm quan trọng của giáo dục và công bố các khoản vay tín dụng nhỏ do Mỹ tài trợ. Uganda đã tăng gấp ba quỹ giáo dục trong năm năm trước, đã thực sự cố gắng giáo dục các bé gái cũng như bé trai. Lũ trẻ mà chúng tôi đến thăm ở Mukono mặc những bộ đồng phục màu hồng dễ thương. Trông chúng sáng sủa và tỏ ra rất thích thú, nhưng tài liệu học của chúng không đầy đủ; bản đồ trên tường lớp học cũ đến mức vẫn còn có Liên Xô. Ở Wanyange, đầu bếp của làng đã mở rộng hoạt động và một phụ nữ khác đã đa dạng hóa việc nuôi gà bằng cách nuôi thêm thỏ với tiền từ nguồn vay tín dụng nhỏ do Mỹ tài trợ. Chúng tôi gặp một phụ nữ có con mới hai ngày tuổi. Cô ấy để tôi bồng đứa nhỏ trong khi phó nháy của Nhà Trắng chụp tấm hình hai gã có cùng tên là Bill Clinton.

Mật vụ không muốn tôi đến Rwanda vì những rắc rối về an ninh đang xảy ra, nhưng tôi thấy mình cần phải đi. Để nhượng bộ vì vấn đề an ninh, tôi gặp gỡ các nguyên thủ quốc gia và những người sống sót sau nạn diệt chủng ở sân bay Kigali. Tổng thống Pasteur

Bizimungu, một người Hutu, và Phó tổng thống Paul Kagame, một người Tutsi, đang cố gắng thống nhất đất nước. Kagame là lãnh tụ chính trị quyền lực nhất quốc gia; ông ấy quyết định rằng nếu muốn đẩy nhanh tiến trình hòa giải thì cần phải có một tổng thống thuộc nhóm người Hutu đa số. Tôi được biết rằng Mỹ và cộng đồng quốc tế đã không hành động nhanh chóng để kịp ngăn chặn thảm họa diệt chủng hay ngăn không cho các trại tị nạn trở thành thiên đường của bọn giết người, và tôi đề nghị được giúp đỡ tái thiết đất nước và ủng hộ tòa án tội ác chiến tranh để xét xử những kẻ gây nên họa diệt chủng.

Những người sống sót kể cho tôi nghe chuyện của họ. Người nói cuối cùng là một phụ nữ đứng đắn, bà kể gia đình bà đã bị coi là những kẻ giết người Tutsi không ghê tay bởi chính người Hutu hàng xóm mà con cái hai nhà đã chơi với nhau trong nhiều năm qua. Bà bị đâm bị thương chí mạng và bỏ mặc đến chết. Bà tỉnh lại trong vũng máu của mình và thấy chồng cùng 6 đứa con nằm chết bên cạnh. Bà nói với Hillary và tôi rằng bà đã tuyệt vọng khóc tại sao Trời để cho bà sống sót, và sau đó bà hiểu rằng "cuộc đời tôi được cứu sống là có lý do cả, và lý do ấy không thể là sự thù hận được. Vì thế tôi làm bất cứ điều gì có thể để giúp chúng tôi bắt đầu lại". Tôi thực sự bàng hoàng; người phụ nữ phi thường này đã làm cho các rắc rối của tôi trở nên hết sức bé nhỏ. Bà đã cùng cố quyết tâm của tôi nhằm làm hết sức mình để giúp Rwanda.

Tôi bắt đầu chuyến thăm đầu tiên của một Tổng thống Hoa Kỳ đến Nam Phi ở Cape Town, với bài phát biểu ở quốc hội trong đó tôi nói tôi đã đến "một phần để giúp người Mỹ nhìn châu Phi mới với con mắt mới". Tôi rất thú vị chứng kiến những người ủng hộ và nạn nhân của chế độ Apartheid làm việc bên nhau. Họ không phủ nhận quá khứ hay che giấu thái độ không đồng tình lúc này, nhưng dường như họ tin rằng họ có thể cùng chung tay xây dựng tương lai. Đó là đóng góp của Mandela cho tiến trình hòa giải.

Ngày kế tiếp, Mandela đưa chúng tôi đi thăm đảo Robben, nơi ông trải qua 18 năm giam cầm đầu tiên. Tôi nhìn thấy bờ cảng bằng đá nơi ông đã làm việc và cả xà lim chật cứng mà ông bị giam giữ mỗi khi không đập đá. Ở Johannesburg, tôi đến thăm Phó tổng thống Thabo Mbeki, người vẫn thường gặp gỡ Al Gore hai lần một năm theo lịch trình nghị sự chung của chúng tôi và gần như chắc chắn là người kế tục vị trí của Mandela; tôi đến thăm trung tâm thương mại mang tên Ron Brown, người luôn yêu mến Nam Phi; và thăm một trường tiểu học. Hillary và tôi đi nhà thờ với Jesse Jackson ở Soweto, một thành phố náo nhiệt đã sản sinh rất nhiều nhà hoạt động chống Apartheid.

Đến lúc này tôi đã có tình bạn thực sự với Mandela. Ông là người đáng kính không chỉ bởi hành trình đáng kinh ngạc của ông từ hận thù đến hòa giải trong 27 năm trong tù, mà còn bởi ông vừa là nhà chính trị cứng rắn vừa là con người tận tụy, người mà, bất kể bị giam cầm bao lâu, không bao giờ đánh mất lòng quan tâm đối với khía cạnh cá nhân của cuộc sống hay khả năng thể hiện tình yêu, tình bạn và sự tử tế của ông.

Chúng tôi có cuộc trao đổi đặc biệt ý nghĩa. Tôi nói: "Madiba (tên thường gọi của Mandela mà ông yêu cầu tôi gọi), tôi biết ông đã làm được điều vĩ đại là mời những tên giám ngục của ông đến tham dự buổi lễ nhậm chức, nhưng ông có thực sự căm ghét những người đã bỏ tù ông hay không?". Ông trả lời: "Tất nhiên tôi có căm thù chứ, trong rất nhiều năm. Họ đã lấy đi phần đời tươi đẹp nhất của tôi. Họ hành hạ tôi cả về thể xác

lẫn tinh thần. Tôi không được nhìn thấy con cái mình trưởng thành. Tôi rất căm ghét bọn họ. Rồi đến một ngày khi đang làm việc ở bờ cảng, dùng búa đập đá, tôi nhận ra rằng bọn họ đã lấy đi tất cả mọi thứ của tôi ngoại trừ tinh thần và trái tim của tôi. Họ không thể lấy đi những thứ này nếu tôi không cho phép. Tôi quyết định không thể vứt bỏ tinh thần và trái tim mình". Lúc đó ông nhìn tôi, mỉm cười và nói: "Và cậu cũng không làm vậy".

Sau khi hết bồi rồi, tôi lại hỏi ông câu khác. "Khi bước ra khỏi nhà tù lần cuối cùng, ông có cảm thấy hận thù đang trào dâng trong lòng mình nữa không?". "Có" ông nói, "Trong một tích tắc tôi có thấy căm hận. Sau đó tôi tự nhủ, họ đã bắt giữ tôi trong 27 năm, nếu tôi cứ tiếp tục căm thù họ thì họ vẫn bắt giữ mình. Tôi muốn tự do, và tôi bỏ ý nghĩ đó qua bên". Ông lại mỉm cười. Lần này ông không nói: "Và cậu cũng nên như vậy".

Ngày nghỉ ngơi duy nhất trong cả chuyến đi là ở Botswana, nơi có thu nhập cao nhất theo bình quân ở châu Phi vùng cận Sahara và tỷ lệ nhiễm bệnh AIDS cao nhất thế giới. Chúng tôi đi một vòng thăm quan Công viên Quốc gia Chobe và nhìn thấy sư tử, voi, linh dương châu Phi, hà mã, cá sấu và hơn 20 loài chim khác nhau. Chúng tôi đến rất gần một con voi mẹ và con của nó - rõ ràng là quá gần. Nó tung vòi và phun nước vào chúng tôi. Tôi chột bật cười khi nghĩ đến những người Cộng hòa vui sướng biết bao nếu họ có thể nhìn thấy biểu tượng của đảng họ đang phun nước vào tôi. Chiều muộn, chúng tôi du ngoạn trên một chiếc xuồng dọc theo sông Chobe; Hillary và tôi nắm tay nhau và cùng cầu nguyện khi nhìn mặt trời lặn.

Chặng dừng cuối cùng của chúng tôi là ở Senegal, nơi chúng tôi đến thăm Door of No Return - Cánh cổng Ra đi không trở lại ở đảo Gorée, điểm dừng nhân mà từ đó nhiều người châu Phi bị đem đi làm nô lệ ở Bắc Mỹ. Cũng như đã làm ở Uganda, tôi thể hiện sự hối tiếc về trách nhiệm của người Mỹ đối với chế độ nô lệ và cuộc chiến đấu dai dẳng và gian khổ của người Mỹ gốc Phi cho tự do. Tôi giới thiệu đoàn đại biểu đi cùng tôi "đại diện cho hơn 30 triệu người Mỹ là món quà lớn nhất của châu Phi dành cho nước Mỹ", và kêu gọi họ làm việc với người Senegal và châu Phi để có một tương lai tươi đẹp hơn. Tôi cũng đến thăm một thánh đường đạo Hồi cùng Tổng thống Abdou Diouf, bày tỏ thái độ tôn trọng đối với cư dân theo đạo Hồi chiếm khá lớn của Senegal; một ngôi làng nằm ẩn sâu trong rừng rậm nhận được tài trợ của Mỹ; và thăm một đội quân Senegal đang được các nhân viên quân sự Mỹ huấn luyện, là một phần trong Sáng kiến Xử lý Khủng hoảng châu Phi mà chính quyền của tôi đã phát động, một nỗ lực giúp châu Phi chuẩn bị tốt hơn nhằm chấm dứt chiến tranh và ngăn chặn những Rwanda khác.

Chuyến đi này là chuyến đi dài nhất và mang nhiều sứ mệnh nhất đến châu Phi mà một Tổng thống Mỹ từng thực hiện. Đoàn đại biểu lưỡng đảng và các nhân viên ưu tú tháp tùng tôi, cũng như các chương trình cụ thể mà tôi ủng hộ, kể cả Đạo luật Cơ hội và Phát triển châu Phi, đã thể hiện với người châu Phi rằng chúng tôi đang mở sang trang mới trong lịch sử cùng chung của cả hai phía. Bất kể những vắn nạn của nó, châu Phi là một nơi đầy hy vọng. Ở đó tôi đã nhìn thấy hy vọng trên những khuôn mặt trong đám đông không lộ ở các thành phố, của các em học sinh và dân làng nấp sau các bụi cây hay bìa sa mạc. Và châu Phi đã cho tôi một món quà lớn: trong sự thông thái của người góa phụ Rwanda và của chính Nelson Mandela, tôi tìm thấy bình yên trong tâm hồn để đối mặt với khó khăn đang chờ phía trước.

Ngày 1 tháng 4, khi chúng tôi vẫn còn đang ở Senegal, thẩm phán Wright chấp thuận đề nghị của luật sư trình bày tóm tắt phán quyết về vụ kiện Jones, không đem ra xét xử vì bà ấy thấy Jones đã không đưa ra chứng cứ đáng tin cậy nào. Vụ bãi kiện thể hiện bản chất chính trị của các cuộc điều tra của Starr. Bây giờ ông ta kiện tôi dựa trên một lý thuyết rằng tôi đã đưa ra nhận định không chính xác trong buổi lấy lời khai mà thẩm phán từng nói là không thích hợp, và rằng tôi đã ngăn cản công lý trong một vụ kiện không hề có lý lẽ gì ngay từ đầu. Không còn ai nói gì thêm về vụ Whitewater nữa. Ngày 2 tháng 4, khi Starr tuyên bố sẽ tiếp tục kiện, không ai lấy làm ngạc nhiên về điều này.

Vài ngày sau, Bob Rubin và tôi tuyên bố rằng nước Mỹ sẽ ngăn chặn việc nhập khẩu 1,6 triệu vũ khí giết người. Mặc dù chúng tôi đã cấm sản xuất 19 loại vũ khí giết người khác nhau trong đạo luật chống tội phạm năm 1994, nhưng những tay sản xuất súng tãi ba ở nước ngoài vẫn đang cố phạm luật bằng cách thay đổi kiểu dáng của các loại súng có mục tiêu duy nhất là giết người.

Ngày thứ Sáu tốt lành, ngày 10 tháng 4, là một trong những ngày hạnh phúc nhất trong thời gian làm tổng thống của tôi. Mười bảy tiếng đồng hồ sau khi hết hạn quy định, tất cả các đảng phái ở Bắc Ireland đã đồng ý với một kế hoạch chấm dứt 30 năm bạo lực tranh chấp. Tôi gần như thức trắng cả đêm hôm trước, giúp George Mitchell kết thúc thỏa thuận. Ngoài George, tôi còn nói chuyện với Bertie Ahern, và với Tony Blair, David Trimble, và hai lần với Gerry Adams, trước khi lên giường lúc 2 giờ sáng. Lúc 5 giờ, George đánh thức tôi yêu cầu gọi cho Adams lần nữa để hoàn tất thỏa thuận.

Bản thỏa thuận là một tuyệt tác, kêu gọi nguyên tắc đa số quyết định nhưng tôn trọng quyền của thiểu số; chia sẻ việc ra quyết định chính trị và quyền lợi kinh tế; tiếp tục có quan hệ với Vương quốc Anh và lập quan hệ mới với Ireland. Tiến trình đưa đến thỏa thuận bắt đầu bằng quyết tâm của John Major và Albert Reynolds tìm kiếm hòa bình, tiếp tục khi John Bruton kế tục Reynolds, và được kết thúc nhờ Bertie Ahern, Tony Blair, David Trimble, John Hume và Gerry Adams. Việc tôi cấp visa cho Adams và việc Nhà Trắng tham gia tích cực vào tiến trình đã tạo ra sự khác biệt, và George Mitchell đã thu xếp các cuộc thương lượng thật tuyệt vời.

Tất nhiên, công lớn nhất thuộc về những người phải đưa ra quyết định khó khăn: các lãnh đạo Bắc Ireland, Blair, và Adhern, và người dân Bắc Ireland, những người đã chọn những hứa hẹn mà hòa bình mang tới thay cho quá khứ đầy đau khổ. Thỏa thuận sẽ phải được thông qua tại cuộc trưng cầu dân ý ở Bắc Ireland và Cộng hòa Ireland ngày 22 tháng 5. Với sự hùng biện đặc trưng kiểu Ireland, thỏa thuận được gọi là Thỏa ước ngày thứ Sáu tốt lành.

Trong khoảng thời gian đó, tôi cũng bay đến Trung tâm Không gian Johnson ở Houston để thảo luận về chuyến tàu vũ trụ con thoi mới nhất để làm các thí nghiệm về tác động của không gian đối với cơ thể con người, kể cả bộ óc và tai trong và hệ thống tiền đình của cơ thể. Một thành viên của phi hành đoàn có mặt trong khán thính giả hôm đó: thượng nghị sĩ đã 77 tuổi, John Glenn. Sau 149 vụ xuất kích trong Thế chiến hai và ở Triều Tiên, cách đó 35 năm John đã trở thành một trong những phi hành gia đầu tiên.

Ông đã nghỉ không làm thượng nghị sĩ nữa và rất ngứa ngáy chân tay muốn bay vào không gian thêm một chuyến nữa. Giám đốc NASA, Dan Goldin, và tôi hết sức ủng hộ sự tham gia của Glenn vì các cơ quan không gian của chúng ta muốn nghiên cứu tác động của không gian đối với tuổi tác. Lúc nào tôi cũng là người ủng hộ mạnh mẽ cho các chương trình không gian, kể cả Trạm Không gian Quốc tế và sứ mệnh sắp tới đến Sao Hỏa; chuyến lên vũ trụ cuối cùng của John Glenn cho chúng tôi cơ hội thể hiện những lợi ích thiết thực của việc khám phá không gian.

Sau đó tôi bay đến Chile viếng thăm chính thức và dự Hội nghị thượng đỉnh các quốc gia châu Mỹ lần thứ hai. Sau chế độ độc tài dai dẳng và khô ải của tướng Augusto Pinochet, Chile dường như mạnh mẽ cam kết đi theo nền dân chủ dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Eduardo Frei, cha của ông cũng từng là Tổng thống Chile trong những năm 1960. Không lâu sau hội nghị, Mack McLarty từ chức đặc sứ của tôi tới Nam Mỹ. Tính đến thời điểm đó, người bạn cũ này của tôi đã thực hiện hơn 40 chuyến đi đến khu vực trong bốn năm từ khi anh nhận nhiệm vụ, và khi làm như vậy, anh đã gửi đi một thông điệp không thể lầm lẫn rằng nước Mỹ cam kết làm một láng giềng tốt.

Tháng 4 kết thúc với hai tin vui. Tôi tổ chức buổi tiếp tân cho các thành viên quốc hội từng bầu ủng hộ ngân sách năm 1993, kể cả những ai vì thế mà mất ghế, để tuyên bố rằng thâm hụt đã bị xóa bỏ hoàn toàn lần đầu tiên kể từ năm 1969. Đó là một tiến triển mà tôi không hề ngờ đến khi nhận chức, và không thể thực hiện được nếu không có những lá phiếu khó khăn cho kế hoạch kinh tế năm 1993. Ngày cuối cùng của tháng, thượng viện bỏ phiếu, tỷ lệ 80-19, thông qua một ưu tiên quan trọng khác của tôi – đưa Ba Lan, Hungary và Tiệp Khắc gia nhập NATO.

Giữa tháng 5, nỗ lực cấm thử vũ khí hạt nhân của chúng tôi bị rung động khi Ấn Độ tiến hành năm vụ thử hạt nhân trong lòng đất. Hai tuần sau, Pakistan trả đũa bằng sáu vụ thử của họ. Ấn Độ tuyên bố họ cần vũ khí hạt nhân để làm đối trọng với Trung Quốc; Pakistan thì nói họ phản ứng lại Ấn Độ. Công luận ở cả hai nước ủng hộ mạnh mẽ cho tiến trình thử vũ khí hạt nhân, nhưng đó là một tình thế nguy hiểm. Vì một lẽ, người dân được an toàn của chúng ta tin rằng, không như Mỹ và Liên Xô trong thời Chiến tranh Lạnh, Ấn Độ và Pakistan biết rất ít về tiềm năng hạt nhân của nhau cũng như chính sách sử dụng các loại vũ khí này. Sau khi Ấn Độ thử hạt nhân, tôi thúc giục Thủ tướng Pakistan Nawaz Sharif dừng theo chân họ, nhưng ông ta không thể cưỡng lại nổi sức ép chính trị.

Tôi thực sự lo lắng về quyết định của Ấn Độ, không chỉ vì tôi coi đó là việc nguy hiểm, mà còn vì nó cản trở chính sách phát triển mối quan hệ Mỹ - Ấn Độ của tôi và làm cho tôi khó khăn hơn khi muốn bảo đảm được thượng viện thông qua Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân. Pháp và Anh đã thông qua, nhưng có sự chia rẽ ngày càng tăng trong quốc hội, mà bằng chứng là thất bại của dự luật “tốc hành” (dự luật mà hành pháp đưa ra trước quốc hội, nơi chỉ có thể thông qua hoặc không, chứ không được sửa đổi - ND) và việc từ chối trả tiền niên liễm của Mỹ cho Liên hiệp quốc cũng như việc từ chối đóng góp vào Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Tài trợ cho IMF đặc biệt quan trọng. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á đang làm lan rộng đến các nền kinh tế yếu kém ở các phần khác của thế

giới, IMF cần phải có năng lực tổ chức những đáp ứng mạnh mẽ và được chu cấp đầy đủ. Quốc hội đang làm hại sự bền vững của nền kinh tế toàn cầu.

Trong khi tranh cãi về việc thử vũ khí hạt nhân chưa ngã ngũ, tôi lại phải lên đường cho chuyến đi khác, đến hội nghị G-8 thường niên được tổ chức tại Birmingham, Anh. Trên đường đi, tôi dừng ở Đức để gặp Helmut Kohl ở Sans Souci, lâu đài của Frederick Đại đế; tham dự kỷ niệm đánh dấu 15 năm ngày thành lập cầu hàng không tiếp tế cho tây Berlin; và ra mắt công chúng cùng Kohl tại nhà máy của hãng General Motors Opel ở Eisenach, Đông Đức cũ.

Kohl đang vất vả tái tranh cử, và sự xuất hiện của tôi cạnh ông trong buổi kỷ niệm cầu hàng không đã gây ra một số thắc mắc, đặc biệt từ khi đối thủ của ông thuộc đảng Dân chủ xã hội là Gerhard Schroeder đang chạy đua với những nghị trình gần giống như Tony Blair và được tôi ủng hộ. Helmut đã phục vụ lâu hơn bất cứ chính khách Đức nào trừ Bismarck, và ông đang tụt lại sau trong các cuộc thăm dò. Nhưng ông là bạn của người Mỹ, và của tôi, và bất kể kết quả bầu cử thế nào, di sản của ông vẫn được bảo đảm: nước Đức thống nhất, Cộng đồng châu Âu vững mạnh, hợp tác với nước Nga dân chủ, và Đức ủng hộ chấm dứt chiến tranh ở Bosnia. Trước khi rời Đức, tôi cũng có buổi nói chuyện tốt đẹp với Schroeder, người nổi lên từ vị trí bắt đầu khiêm tốn trên diễn đàn chính trị của Đức. Ông gây cho tôi ấn tượng về một người cứng rắn, thông minh và sáng suốt về việc ông muốn làm. Tôi chúc lành cho ông ta, và nói với ông rằng nếu ông thắng cử tôi sẽ làm bất cứ điều gì có thể để giúp ông thành công.

Khi đến Birmingham, tôi thấy thành phố đã trải qua cuộc thay đổi ngoạn mục và đẹp hơn nhiều so với hồi tôi đến thăm lần đầu tiên gần 30 năm trước. Cuộc họp có nghị trình rất hữu ích, kêu gọi cải cách kinh tế quốc tế; hợp tác hơn nữa chống buôn lậu thuốc phiện, rửa tiền, và buôn bán phụ nữ và trẻ em; và liên minh đặc biệt giữa nước Mỹ và Cộng đồng châu Âu chống khủng bố. Bất kể quan trọng đến mức nào, cuộc họp vẫn bị che phủ bởi bóng đen của các sự kiện đang diễn ra trên thế giới: người Ấn Độ thử vũ khí hạt nhân; sự sụp đổ về kinh tế và chính trị ở Indonesia; hòa bình mong manh ở Trung Đông; viễn cảnh mơ hồ của cuộc chiến ở Kosovo; và cuộc trưng cầu dân ý sắp đến cho Thỏa ước ngày thứ Sáu tốt lành. Chúng tôi lên án Ấn Độ thử vũ khí hạt nhân, tái khẳng định sự ủng hộ của chúng tôi cho Hiệp ước cấm thử và phổ biến vũ khí hạt nhân toàn diện, và nói chúng tôi muốn có một hiệp ước toàn cầu ngăn chặn việc sản xuất nguyên liệu cho vũ khí hạt nhân. Ở Indonesia, chúng tôi thúc đẩy cải cách cả chính trị lẫn kinh tế, một việc dường như chưa bao giờ diễn ra, bởi nền tài chính của đất nước này đang trong tình trạng hỗn độn khủng khiếp đến mức cải cách cần thiết sẽ làm cho cuộc sống còn khó khăn hơn nữa đối với người dân Indonesia bình thường trong thời gian trước mắt. Trong vài ngày, Tổng thống Suharto từ chức, nhưng các vấn đề của Indonesia không tan biến đi theo ông. Chẳng bao lâu nữa những vấn đề ấy sẽ chiếm thêm thời gian của tôi. Lúc này ở Trung Đông không thể làm gì được cho đến khi tình hình chính trị của Israel được cải thiện.

Ở Kosovo, một tỉnh ở miền nam xa xôi của Serbia, hầu hết người dân là người gốc Albania theo đạo Hồi đang bức tức vì chế độ cai trị của Milosevic. Sau cuộc tấn công của Serbia vào người Kosovo hồi đầu năm, Liên hiệp quốc đã ra lệnh cấm vận vũ khí ở Nam Tư (gồm Serbia và Montenegro) và một số quốc gia khác đã cấm vận kinh tế đối với

Serbia. Một Nhóm Liên lạc gồm Mỹ, Nga, và một số nước châu Âu đang làm việc để tháo gỡ khủng hoảng. G-8 ủng hộ nỗ lực của Nhóm Liên lạc, nhưng chúng tôi sẽ phải làm nhiều hơn nữa.

Một lần nữa, tin tốt lành đến từ Bắc Ireland. Hơn 90% thành viên của đảng Sinn Fein ủng hộ Thỏa ước ngày thứ Sáu tốt lành. Với sự hợp tác của John Hume và Gerry Adams, chắc chắn sẽ có số lượng lớn phiếu của người theo đạo Thiên Chúa ủng hộ thỏa thuận. Ý kiến của phe Tin Lành còn vẫn chia rẽ. Sau khi tham khảo ý kiến với các bên, tôi quyết định không đi từ Birmingham đến Belfast để nói chuyện trực tiếp về thỏa thuận. Tôi không muốn Ian Paisley cho rằng tôi là người ngoài cuộc đang chỉ dẫn Bắc Ireland việc phải làm. Thay vì thế, Tony Blair và tôi gặp các phóng viên và thực hiện hai cuộc phỏng vấn dài trên truyền hình với BBC và CNN ủng hộ cuộc trưng cầu dân ý.

Ngày 20 tháng 5, hai ngày trước cuộc trưng cầu, tôi cũng nói chuyện ngắn gọn trên radio với người dân Bắc Ireland, khẳng định sự ủng hộ của nước Mỹ nếu họ bỏ phiếu cho "hòa bình lâu dài cho chính các bạn và con cháu". Họ đã làm như vậy. Thỏa ước ngày thứ Sáu tốt lành được 71% người dân Bắc Ireland chấp thuận, kể cả đa số người theo đạo Tin Lành. Ở Cộng hòa Ireland, hơn 90% người dân bỏ phiếu thuận. Tôi chưa bao giờ tự hào hơn thế về di sản Ireland của mình.

Sau chặng dừng ở Geneva để thúc đẩy Tổ chức Thương mại Thế giới áp dụng tiến trình ra quyết định cởi mở hơn, quan tâm hơn đến các điều kiện lao động và môi trường trong các thương lượng mậu dịch, và lắng nghe đại diện các công dân bình thường cảm thấy bị gạt sang bên lề của nền kinh tế toàn cầu, tôi bay về nhà nhưng vẫn không rời khỏi những vấn đề của thế giới.

Tuần đó, trong buổi lễ khai giảng của Học viện Hải quân Mỹ, tôi tóm tắt phương pháp tiếp cận hiệu quả để đối phó với mạng lưới khủng bố toàn cầu tinh vi, kể cả kế hoạch phát hiện, ngăn ngừa và bảo vệ trước các cuộc tấn công nhắm vào hệ thống điện, cung cấp nước, cảnh sát, cứu hỏa và cứu hộ, kiểm soát không lưu, dịch vụ tài chính, hệ thống điện thoại, và mạng máy tính; và nỗ lực ngăn chặn sự lan tỏa và sử dụng vũ khí sinh học và bảo vệ người dân trước thảm họa đó. Tôi đề nghị củng cố hệ thống thanh tra của Hội nghị Vũ khí Sinh học; tiêm vắc xin cho các lực lượng vũ trang ngừa các bệnh có nguy cơ sinh học, đặc biệt là bệnh than; huấn luyện thêm quan chức liên bang và địa phương và binh sĩ Vệ binh quốc gia để đối phó với các cuộc tấn công bằng sinh học; nâng cấp hệ thống thăm dò và kiểm soát; dự trữ thuốc và vắc xin chống lại các cuộc tấn công sinh học; và tăng cường nghiên cứu và phát triển tạo ra những thế hệ vắc xin mới, thuốc và các công cụ chẩn đoán.

Từ vài tháng trước, tôi đã bắt đầu lo lắng về viễn cảnh tấn công sinh học, có thể bằng một loại vũ khí tạo ra gien chống lại các loại vắc xin và thuốc hiện hành. Tháng 12 năm trước, vào kỳ nghỉ Phục hưng Cuối tuần, Hillary và tôi đã thu xếp đi ăn tối với Craig Venter, một nhà sinh học phân tử có công ty đang cố hoàn tất giải mã gien người. Tôi hỏi Craig về khả năng bản đồ gien cho phép bọn khủng bố phát triển các loại gien tổng hợp, tái tạo những virus có sẵn, hoặc kết hợp virus gây bệnh đậu mùa với các virus chết người khác để làm cho tác hại hơn nữa.

Craig nói những việc như thế hoàn toàn có thể và anh khuyên tôi đọc cuốn tiểu thuyết mới của Richard Preston, Sự kiện HỒ mang - The Cobra Event, về một nhà khoa học điên cố gắng làm giảm dân số thế giới bằng cách thả vào thành phố New York virus “brainpox” - kết hợp giữa virus gây bệnh đậu mùa và một loại vi trùng phá hủy thần kinh. Khi đọc xong cuốn sách, tôi thấy ngạc nhiên rằng hiểu biết của Preston phải bằng cả trăm nhà khoa học, chuyên gia quân sự và tình báo và các quan chức trong chính quyền của tôi cộng lại. Tôi thúc giục một số thành viên nội các và cả Chủ tịch hạ viện Gingrich đọc cuốn sách này.

Chúng tôi bắt đầu xử lý vấn đề chiến tranh vi trùng từ năm 1993, sau khi vụ đánh bom ở Trung tâm Thương mại Thế giới cho thấy khủng bố có thể tấn công ngay cả nội địa Mỹ, và một người đảo ngữ ở Nga nói với chúng tôi rằng nước anh ta có hàng đồng virus bệnh than, đậu mùa, Ebola và các bệnh khác, và vẫn đang tiếp tục chế tạo thêm từ sau khi Liên Xô sụp đổ. Để đáp lại, chương trình Nunn-Lugar được mở rộng để hợp tác với Nga về vũ khí sinh học cũng như hạt nhân.

Sau vụ khủng bố bằng khí sarin ở bến xe điện ngầm Tokyo năm 1995, Nhóm An ninh chống Khủng bố (CSG), đứng đầu là nhân viên của Hội đồng An ninh Quốc gia Richard Clarke, bắt đầu tập trung hơn vào kế hoạch bảo vệ trước các cuộc tấn công hóa học và sinh học. Tháng 6 năm 1995, tôi ký Hướng dẫn Thi hành Quyết định của tổng thống (PDD) số 39 phân chia trách nhiệm trong các cơ quan hữu quan nhằm ngăn chặn và xử lý các cuộc tấn công như vậy, và giảm khả năng của bọn khủng bố thông qua hoạt động bí mật và các nỗ lực bắt bọn khủng bố ở nước ngoài. Ở Lầu năm góc, một vài lãnh đạo quân sự và dân sự quan tâm đến vấn đề này, kể cả Chỉ huy Thủy quân lục chiến, Charles Krulak, và Richard Danzig, Thứ trưởng Hải quân. Cuối năm 1996, Hội đồng Tham mưu Liên quân ủng hộ đề nghị của Danzig tiêm vắc xin cho toàn bộ lực lượng phòng bệnh than, và quốc hội kiểm soát chặt chẽ hơn đối với các chất sinh học trong các phòng thí nghiệm của Mỹ, sau khi một kẻ cuồng tín bị bắt khi dùng giấy tờ giả để mua ba bình chứa virus dịch bệnh từ một phòng thí nghiệm với giá khoảng 300 đôla.

Cuối năm 1997, khi rõ ràng rằng Nga có nhiều vũ khí vi trùng hơn chúng ta vẫn tưởng, tôi cho phép Mỹ hợp tác với các nhà khoa học đã từng làm việc trong các viện nơi có nhiều vũ khí sinh học được chế tạo trong thời kỳ Xô Viết, với hy vọng tìm ra bản chất sự việc, và ngăn chặn không cho họ gửi các bí quyết và chất sinh học đến Iran hay cho những kẻ khác sẵn tiền và muốn mua.

Tháng 3 năm 1998, Dick Clarke tập hợp khoảng 40 thành viên của nhà khách Blair House để thử diễn tập chống khủng bố virus gây bệnh đậu mùa, một hóa chất và một vũ khí hạt nhân. Kết quả rất đáng lo ngại. Với bệnh đậu mùa, họ phải mất rất nhiều thời gian và khá nhiều nhân mạng mới kiểm soát được dịch bệnh. Dự trữ kháng sinh và vắc xin chưa đầy đủ, luật về dịch tễ còn lạc hậu, hệ thống y tế công cộng kém hiệu quả, và kế hoạch xử lý cấp tiểu bang còn chưa hoàn thiện.

Vài tuần sau, theo yêu cầu của tôi, Clarke tập hợp bảy nhà khoa học và chuyên gia xử lý khủng hoảng, trong đó có Craig Venter; Joshua Lederberg, nhà sinh học đoạt giải Nobel

với hàng thập kỷ nghiên cứu cách chống vũ khí sinh học; và Jerry Hauer, giám đốc Xử lý Khủng hoảng của thành phố New York. Cùng với Bill Cohen, Janet Reno, Donna Shalala, George Tenet và Sandy Berger, tôi gặp nhóm này trong vài giờ đồng hồ để thảo luận về nguy cơ và việc phải làm. Mặc dù đêm trước hầu như thức trắng để kết thúc thỏa ước hòa bình của Ireland, nhưng tôi lắng nghe chăm chú phần trình bày của họ và hỏi rất nhiều. Mọi điều tôi nghe được khẳng định thêm rằng chúng ta chưa được chuẩn bị cho các cuộc tấn công sinh học, và rằng khả năng sắp xếp và tái tạo gen sẽ ảnh hưởng lớn đến an ninh quốc gia trong thời gian tới. Khi cuộc gặp kết thúc, tiến sĩ Lederberg đưa cho tôi bản sao của bài báo mới nhất trên tờ Tạp chí của Hội Y khoa Mỹ nói về mối đe dọa của khủng bố sinh học. Đọc xong tôi còn thấy lo lắng hơn nữa.

Chưa đầy một tháng sau, nhóm các nhà khoa học gửi cho tôi một bản báo cáo đề nghị chi gần hai tỷ đôla trong bốn năm tiếp theo để cải thiện khả năng y tế công cộng, xây dựng kho dự trữ quốc gia kháng sinh và vắc xin, đặc biệt kháng bệnh đậu mùa, và tăng cường nghiên cứu việc phát triển những loại thuốc và vắc xin tốt hơn thông qua tái tạo gen.

Vào ngày diễn thuyết ở Học viện Hải quân, tôi ký thêm hai thông tư hướng dẫn của tổng thống (PDD) về chống khủng bố. PDD số 62 đưa ra sáng kiến 10 điểm chống khủng bố, phân công trách nhiệm cho các cơ quan chính phủ với các chức năng cụ thể, bao gồm việc phát hiện, phản ứng và kết án khủng bố và phá hủy mạng lưới của chúng; ngăn chặn bọn khủng bố dùng vũ khí hủy diệt hàng loạt; xử lý hậu quả sau khi bị tấn công; bảo vệ hạ tầng và hệ thống Internet trọng yếu; và bảo vệ người Mỹ trong và ngoài nước.

PDD 62 cũng chỉ định Điều phối viên Quốc gia chống Khủng bố và Bảo vệ Hạ tầng; tôi bổ nhiệm Dick Clarke, người theo sát việc chống khủng bố ngay từ đầu, vào chức vụ này. Ông là người chuyên nghiệp, đã từng phục vụ dưới thời Tổng thống Reagan và Bush, và rất tích cực nỗ lực tổ chức chống khủng bố. PDD số 63 cho phép thành lập Trung tâm Bảo vệ Hạ tầng Quốc gia để chuẩn bị kế hoạch đầy đủ đầu tiên nhằm bảo vệ các cơ sở hạ tầng trọng yếu của chúng ta như giao thông, viễn thông và hệ thống nước.

Vào cuối tháng, Starr thử và lại thất bại khi bắt buộc Susan McDougal ra điều trần trước đại bồi thẩm đoàn; thẩm vấn Hillary trong gần năm tiếng đồng hồ và là lần thứ sáu; và lại kết án Webb Hubbell vì sai phạm thuế.

Một số cựu công tố viên nghi ngờ sự đúng đắn trong hành động bất thường này của Starr; chủ yếu là việc Hubbell lại bị kết tội tính tiền quá cao các thân chủ và không trả thuế cho khoản tiền vượt quá này. Tình hình tệ còn hơn nữa khi Starr cũng kết án vợ của Hubbell, Suzy, vì cô ấy đã cùng ký vào bản hoàn thuế thu nhập chung của cả hai vợ chồng, và bạn của Webb là kế toán Mike Schaufele và luật sư Charles Owen, vì họ tư vấn tài chính cho Hubbell, dù là miễn phí, khi anh đang gặp rắc rối. Hubbell giận dữ đáp trả rất rõ ràng: "Họ nghĩ rằng kết án vợ và bạn tôi thì tôi sẽ nói dối về tổng thống và đệ nhất phu nhân. Tôi sẽ không nói dối... Tôi sẽ không nói dối về tổng thống. Tôi sẽ không nói dối về đệ nhất phu nhân, hay về bất cứ ai khác".

Đầu tháng 5, Starr tiếp tục chiến thuật hù dọa bằng cách kết án Susan McDougal vì bất tuân lệnh tòa hình sự và ngăn cản công lý vì cô ấy tiếp tục từ chối làm chứng trước đại bồi thẩm đoàn - cũng chính là tội mà cô ấy đã bị kết án và đang thi hành án 18 tháng tù

do bất tuân tòa dân sự. Lần này thì thủ đoạn đe dọa đó không có kết quả. Starr và Hick Ewing không thể buộc Susan McDougal nói dối cho họ và họ phát điên lên. Mặc dù Susan phải mất gần một năm sau mới chứng minh được, nhưng cô ấy cứng rắn hơn họ và cuối cùng cô đã được trắng án.

Tháng 6, cuối cùng Starr cũng ném trái đăng. Sau khi Steven Brill đăng bài trên tờ Brill's Content về hoạt động của Starr, nhấn mạnh việc Văn phòng công tố độc lập (OIC) chuyên dùng chiến thuật tiết lộ tin tức trái phép cho báo giới, và tường thuật rằng Starr đã thú nhận chuyện đó trong một cuộc phỏng vấn 90 phút, thẩm phán Norma Holloway Johnson ra phán quyết rằng "có cơ sở" tin rằng văn phòng của Starr dính líu đến các vụ rò rỉ tin tức "nghiêm trọng và lặp đi lặp lại" cho giới truyền thông và rằng David Kendall có thể gọi Starr và các đồng sự ra tòa để truy tìm nguồn gốc của vụ rò rỉ. Vì có liên quan đến tiến trình của đại bồi thẩm đoàn nên phán quyết đó được giữ bí mật. Cũng thật kỳ lạ thay, khía cạnh này trong các hoạt động của Starr đã không được tiết lộ cho báo chí.

Ngày 29 tháng 5, Barry Goldwater mất, thọ 89 tuổi. Tôi rất buồn. Mặc dù chúng tôi khác đảng và khác quan điểm, nhưng Goldwater đã rất tử tế với Hillary và tôi. Tôi cũng kính trọng ông là một nhà yêu nước thực thụ và là người đấu tranh cho quyền tự do, ông nghĩ rằng chính phủ nên đứng ngoài cuộc sống riêng tư của công dân và ông tin rằng những chuyện đấu đá chính trị nên tập trung vào tư tưởng chứ không phải tấn công vào cá nhân.

Tôi dành phần còn lại của mùa xuân để vận động hành lang cho chương trình luật pháp của tôi và xử lý công việc: ban hành lệnh thi hành cấm bạo lực đối với người đồng tính trong các doanh nghiệp dân sự liên bang; ủng hộ chương trình cải tổ kinh tế mới của Boris Yeltsin; chào đón Tiểu vương Bahrain tại Nhà Trắng; phát biểu tại phiên họp của đại hội đồng Liên hiệp quốc về chống buôn ma túy toàn cầu; tiếp đón chuyên thăm chính thức của Tổng thống Nam Triều Tiên Kim Dae Jung; tổ chức Hội nghị Hải dương Quốc gia ở Monterey, California; gia hạn lệnh cấm khoan dầu ngoài khơi California thêm 14 năm nữa; ký một đạo luật cấp quỹ để mua áo chống đạn cho 25% nhân viên thi hành luật; nói chuyện tại buổi khai giảng của ba trường đại học; và vận động cho đảng Dân chủ trong sáu tiểu bang.

Một tháng bận rộn nhưng khá bình thường ngoại trừ chuyến đi thăm không vui của tôi đến Springfield, Oregon, nơi một học sinh nam đã dùng súng bán tự động bắn chết và làm bị thương một số bạn học. Đó là vụ mới nhất trong hàng loạt vụ nổ súng trong trường học, trong đó có các vụ bắn chết người ở Jonesboro, Arkansas; Pearl, Mississippi; Paducah, Kentucky; và Edinboro, Pennsylvania.

Vụ giết người vừa đau lòng vừa gây lo lắng, vì tỷ lệ phạm tội vị thành niên cuối cùng cũng đang trên đà gia giảm. Tôi thấy hình như sự bùng nổ bạo lực là do, ít nhất là một phần, sự tôn vinh bạo lực quá mức trong văn hóa của chúng ta và việc trẻ em có thể kiếm được vũ khí chết người một cách dễ dàng. Trong tất cả các vụ nổ súng trong trường học, kể cả một số vụ khác không gây chết người, những kẻ phạm tội còn trẻ dường như giận dữ, đơn độc, hoặc đang theo đuổi một triết lý đen tối nào đó về cuộc sống. Tôi yêu cầu Janet Reno và Dick Riley đưa ra hướng dẫn cho các giáo viên, cha mẹ và sinh viên về

những dấu hiệu cảnh báo sớm của những thanh niên gặp rắc rối, kèm theo là các chiến thuật xử lý.

Tôi đến trường trung học ở Springfield gặp các gia đình nạn nhân, nghe kể lại sự việc, và nói chuyện với sinh viên, giáo viên và các công dân khác. Họ bị sốc và rất lo lắng, băn khoăn tại sao những việc như vậy lại có thể xảy ra trong cộng đồng của họ. Vào những dịp thế này, tôi cảm thấy việc duy nhất có thể làm được là chia sẻ nỗi đau với mọi người, cam đoan với họ rằng họ là những người tốt, và động viên họ tiếp tục tiến lên.

Xuân chuyển sang hè, đến lúc tôi thực hiện chuyến thăm được chuẩn bị khá lâu đến Trung Quốc. Mặc dù Mỹ và Trung Quốc còn khác biệt đáng kể về nhân quyền, tự do tôn giáo và chính trị, và những vấn đề khác, tôi vẫn háo hức chờ đón chuyến đi. Tôi nghĩ Giang Trạch Dân đã thành công khi thực hiện chuyến thăm đến Mỹ năm 1997 và ông cũng vui lòng đón tiếp tôi.

Chuyến đi gây nhiều tranh cãi ở cả hai nước. Tôi sẽ là Tổng thống Mỹ đầu tiên đến Trung Quốc kể từ vụ đàn áp các lực lượng ủng hộ dân chủ ở Quảng trường Thiên An Môn năm 1989. Những cáo buộc rằng Trung Quốc cố gắng gây ảnh hưởng đến kết quả bầu cử năm 96 vẫn chưa được giải quyết. Một số người phe Cộng hòa cũng tấn công tôi vì đã cho phép các công ty Mỹ phóng vệ tinh thương mại vào không gian bằng tên lửa của Trung Quốc, mặc dù công nghệ vệ tinh không được tiết lộ cho phía Trung Hoa tiếp cận, và quá trình thuê tên lửa đã có từ thời của Reagan và tiếp tục dưới thời Bush để tiết kiệm tiền cho các công ty của Mỹ. Cuối cùng, nhiều người Mỹ lo sợ chính sách thương mại của Trung Quốc và chấp nhận việc trái phép sản xuất và bán sách, phim ảnh và nhạc Mỹ đang làm mất nhiều công ăn việc làm ở Mỹ.

Về phía Trung Quốc, nhiều quan chức bức tức vì chúng ta đã chỉ trích các chính sách về nhân quyền của Trung Quốc, coi đó là hành động can thiệp vào nội bộ của họ, trong khi một số người khác tin rằng, bất chấp mọi phát biểu tích cực của tôi, chính sách của Mỹ là kiểm chế chứ không phải hợp tác với Trung Quốc trong thế kỷ 21.

Với số dân chiếm một phần tư dân số thế giới và nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ, Trung Quốc sẽ có ảnh hưởng về kinh tế và chính trị sâu rộng đối với Mỹ và thế giới. Nếu điều đó xảy ra, chúng ta phải tạo nên sự hợp tác tích cực. Thật xuẩn ngốc nếu không đi Trung Quốc.

Trong tuần trước khi lên đường, tôi đề cử Đại sứ Mỹ ở Liên hiệp quốc Bill Richardson kế nhiệm Federico Penã làm Bộ trưởng Năng lượng, và Dick Holbrooke làm đại sứ mới của Mỹ ở Liên hiệp quốc. Richardson, cựu nghị sĩ quốc hội của bang New Mexico, nơi có hai phòng thí nghiệm quan trọng của Bộ Năng lượng là người lý tưởng cho việc này. Holbrooke có kỹ năng giải quyết các vấn đề đóng niên liêm của Mỹ ở Liên hiệp quốc, cũng như kinh nghiệm và trí thông minh để đóng góp quan trọng vào đội ngũ lo về chính sách đối ngoại. Chúng tôi cần ông ấy khi rắc rối lại bùng phát ở Balkan.

Hillary, Chelsea và tôi đến Trung Quốc tối 25 tháng 6, cùng với mẹ của Hillary là Dorothy, một đoàn đại biểu gồm có Ngoại trưởng Albright, Bộ trưởng Rubin, Bộ trưởng

Daley, và sáu thành viên quốc hội, trong đó có John Dingell của bang Michigan, thành viên phục vụ lâu năm nhất ở hạ viện. Sự hiện diện của John rất quan trọng vì sự phụ thuộc vào ngành ô tô của Michigan làm cho nó trở thành tâm điểm của tư tưởng chủ nghĩa bảo hộ. Tôi rất mừng là chính ông ấy muốn thăm Trung Quốc để tự đánh giá liệu Trung Quốc có nên gia nhập WTO hay không.

Chúng tôi bắt đầu chuyến đi từ cố đô Tây An, nơi người Trung Quốc tổ chức buổi lễ đón tiếp tưng bừng và trang trọng. Ngày kế tiếp, chúng tôi có cơ hội đi giữa hàng ngũ các chiến binh bằng đất nổi tiếng, và có buổi thảo luận bàn tròn với các công dân Trung Quốc ở một làng nhỏ ở Xiahe.

Hai ngày sau chúng tôi bắt tay vào công việc thực sự, khi Chủ tịch Giang Trạch Dân và tôi gặp gỡ và họp báo được truyền hình trực tiếp khắp Trung Quốc. Chúng tôi thẳng thắn thảo luận về sự khác biệt cũng như cam kết xây dựng sự hợp tác chiến lược. Đây là lần đầu tiên người Trung Quốc từng thấy lãnh đạo của họ thực sự tranh luận về các vấn đề như nhân quyền và tự do tôn giáo với nguyên thủ quốc gia nước ngoài. Chủ tịch Giang Trạch Dân ngày càng tự tin hơn khi xử lý các vấn đề như vậy trước công chúng và tin tưởng để cho tôi lịch sự có bất đồng, cũng như nhấn mạnh mối quan tâm chung muốn chấm dứt khủng hoảng tài chính châu Á, đẩy mạnh vấn đề không phổ biến vũ khí hạt nhân, và tăng cường hòa giải ở bán đảo Triều Tiên.

Khi tôi đề cập đến tự do hơn nữa và nhân quyền ở Trung Quốc, Chủ tịch đáp lại rằng Mỹ đã phát triển cao, trong khi Trung Quốc vẫn có thu nhập bình quân đầu người 700 đôla một năm. Ông nhấn mạnh sự khác biệt trong lịch sử, văn hóa, hệ tư tưởng và hệ thống xã hội hai nước. Khi tôi thúc giục ông gặp gỡ với Đạt Lai Lạt Ma, ông nói cánh cửa Trung Quốc rộng mở nếu Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố trước rằng Tây Tạng và Đài Loan là một phần của Trung Quốc, và nói thêm rằng đã có sẵn "một vài kênh liên lạc" với lãnh tụ của Phật giáo Tây Tạng. Tôi được khán giả Trung Quốc cười tán thưởng khi nói tôi nghĩ nếu Chủ tịch Giang Trạch Dân và Đạt Lai Lạt Ma gặp nhau, họ sẽ quý mến nhau rất nhiều. Tôi cũng cố gắng đưa ra một vài đề nghị thực tế để tiến xa hơn về nhân quyền. Ví dụ, vẫn còn nhiều công dân Trung Hoa ngồi tù vì những tội không còn ghi trong sổ bộ. Tôi đề nghị nên thả họ ra.

Vấn đề chính của họp báo chính là cuộc tranh luận. Tôi muốn công dân Trung Hoa thấy Mỹ ủng hộ nhân quyền mà chúng tôi tin là các giá trị mang tính toàn cầu, và tôi muốn các quan chức Trung Hoa thấy rằng sự cởi mở hơn nữa sẽ không gây ra những rối loạn xã hội mà, theo lịch sử Trung Quốc, họ lo sợ một cách dễ hiểu.

Sau buổi chiều đãi chính thức do Chủ tịch Giang Trạch Dân và phu nhân tổ chức, tôi và ông lần lượt điều khiển dàn nhạc của Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Ngày hôm sau, gia đình tôi dự buổi lễ chủ nhật ở nhà thờ Chongwenmen, nhà thờ Tin Lành lâu đời nhất ở Bắc Kinh, một trong số ít nhà thờ được chính phủ cho phép mở cửa. Nhiều người theo đạo Tin Lành phải bí mật nhóm họp trong nhà. Tự do tôn giáo rất quan trọng đối với tôi, và tôi rất mừng khi Chủ tịch Giang đồng ý để tôi gửi một đoàn đại biểu gồm các thủ lĩnh tôn giáo Mỹ, kể cả một chức sắc Do Thái giáo, một tổng giám mục Thiên Chúa giáo, và một mục sư Tin Lành đến tìm hiểu thêm về vấn đề này.

Sau khi chúng tôi tham quan Tử Cấm Thành và Vạn Lý Trường Thành, tôi tổ chức buổi hỏi đáp với sinh viên của trường Đại học Bắc Kinh. Chúng tôi thảo luận về nhân quyền ở Trung Quốc, nhưng họ cũng hỏi tôi về các vấn đề nhân quyền ở Mỹ và tôi có thể làm gì để tăng thêm sự hiểu biết của người Mỹ đối với Trung Quốc. Có nhiều câu hỏi rất hay của lớp thanh niên muốn đất nước họ thay đổi nhưng vẫn rất tự hào về nó.

Thủ tướng Chu Dung Cơ mời đoàn đại biểu dự bữa trưa, trong đó chúng tôi thảo luận về các thách thức xã hội và kinh tế mà Trung Quốc đang phải đối mặt, cũng như những vấn đề còn lại mà chúng tôi vẫn chưa giải quyết xong để đưa Trung Quốc vào Tổ chức Thương mại Thế giới. Tôi hết sức ủng hộ việc này, để duy trì sự thống nhất của Trung Quốc với nền kinh tế toàn cầu, và để tăng cường cả sự chấp thuận các luật lệ quốc tế lẫn thiện chí hợp tác với Mỹ của họ và với các quốc gia khác về một loạt các vấn đề khác. Tối đó, Chủ tịch Giang Trạch Dân và phu nhân mời chúng tôi ăn tối riêng với họ tại tư dinh, căn nhà nằm bên hồ trong khu vực dành cho hầu hết các quan chức cao cấp của Trung Quốc. Càng có thời gian bên Chủ tịch Giang, tôi càng thấy quý mến ông ấy. Ông là người thú vị, vui tính, và cực kỳ kiêu hãnh, nhưng luôn luôn muốn nghe những quan điểm khác nhau. Mặc dù không phải lúc nào tôi cũng đồng ý với ông, nhưng tôi dần dần cho rằng ông tin ông đang thay đổi Trung Quốc nhanh hết mức, và theo đúng hướng.

Từ Bắc Kinh chúng tôi đến Thượng Hải, nơi có vẻ có nhiều tổ hợp kiến trúc hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Hillary và tôi có buổi thảo luận thú vị về các vấn đề và tiềm năng của Trung Quốc với một nhóm các thanh niên Trung Quốc, gồm có các giáo sư, doanh nhân, một nhà hoạt động bảo vệ người tiêu dùng, và một tiểu thuyết gia. Một trong những kinh nghiệm thú vị nhất của cả chuyến đi là chương trình trả lời theo yêu cầu thính giả mà tôi cùng thị trưởng thành phố tham gia. Có một số câu hỏi hay và đoán trước được dành cho tôi về các vấn đề kinh tế và an ninh, nhưng ông thị trưởng nhận được nhiều câu hỏi hơn tôi; người gọi cho ông quan tâm đến giáo dục tốt hơn, nhiều máy tính hơn, và lo lắng về tắc nghẽn giao thông vốn là hậu quả của việc thành phố phát triển và mở rộng không ngừng. Tôi chợt nghĩ một khi các công dân phản nản với thị trưởng về tắc nghẽn giao thông, thì nền chính trị Trung Quốc đang đi đúng hướng.

Trước khi về nhà, chúng tôi bay đến Guilin gặp những nhà hoạt động môi trường đang quan ngại về việc phá rừng và sự biến mất của những loài hoang dã quý hiếm, sau đó đi thuyền dọc theo sông Li, chảy qua khung cảnh tuyệt đẹp có những tảng đá tạo thành hình như thể nhô lên trên phong cảnh êm ả của miền quê. Sau Guilin, chúng tôi dừng ở Hồng Kông gặp Đồng Kiến Hoa, Đặc khu trưởng do người Trung Quốc chọn sau khi người Anh rút lui. Là một người thông minh và tinh tế, từng sống ở Mỹ vài năm, Đồng Kiến Hoa rất bận rộn trong việc cân bằng văn hóa chính trị sôi động của Hồng Kông với chính phủ trung ương Trung Quốc vốn ưa tuân thủ hơn. Tôi cũng gặp lại người bảo vệ nền dân chủ là Martin Lee. Trung Quốc đã hứa để cho Hồng Kông giữ nguyên hệ thống chính trị dân chủ, nhưng tôi có ấn tượng rõ ràng là chi tiết về cuộc đoàn tụ Hồng Kông trở về với Trung Quốc vẫn đang được soạn thảo, và rằng không bên nào hoàn toàn thỏa mãn với tình trạng hiện nay.

Giữa tháng 7, Al Gore và tôi tổ chức một sự kiện tại Viện Khoa học Quốc gia nhấn mạnh nỗ lực của chính quyền chúng tôi nhằm ngăn ngừa hệ thống máy tính gặp sự cố vào đầu thiên niên kỷ mới. Mọi lo ngại đang lan rộng là nhiều hệ thống máy tính sẽ không thể thay đổi ngày tháng vào năm 2000, đã gây ra hỗn loạn trong kinh tế và ảnh hưởng đến công việc của hàng triệu người Mỹ. Chúng tôi đưa ra một nỗ lực toàn diện do John Koskinen đứng đầu để bảo đảm tất cả các hệ thống của chính phủ đều sẵn sàng cho thiên niên kỷ mới và giúp khu vực kinh tế tư nhân điều chỉnh phù hợp. Chúng tôi chỉ biết được các biện pháp đó có thành công hay không khi ngày đã định đến.

Ngày 16, tôi ký một ưu tiên khác của tôi thành luật, Luật Hỗ trợ và Ưu đãi Trẻ em. Chúng tôi đã tăng những người được lãnh tiền từ luật này lên 68% từ năm 1992; thêm 1,4 triệu gia đình được nhận trợ cấp chăm sóc trẻ em. Luật này phạt những tiểu bang nào không tự động cập nhật chế độ hỗ trợ trẻ em và thưởng tiền cho những tiểu bang đạt được mục tiêu.

Cũng thời gian này, tôi tuyên bố mua tám triệu thùng bột để trợ cấp cho các quốc gia nghèo đang thiếu lương thực. Giá ngũ cốc đang giảm, và số bột này có thể thỏa mãn nhu cầu nhân đạo lẫn trả thêm 13 cent một thùng bột mì cho các nông dân làm việc cực nhọc. Vì gió nóng khắc nghiệt phá hoại mùa màng ở nhiều phần của đất nước, tôi cũng yêu cầu quốc hội thông qua gói hỗ trợ khẩn cấp cho nông dân.

Đến cuối tháng, Mike McCurry tuyên bố sẽ từ chức bí thư báo chí của Nhà Trắng vào mùa thu, và tôi chỉ định phó của anh là Joe Lockhart, người đã từng là bí thư báo chí của tôi khi tái tranh cử, làm người kế nhiệm. McCurry đã làm việc rất tốt ở vị trí đầy đòi hỏi này, giải thích các chính sách một cách rõ ràng và thông thái, làm việc nhiều giờ và luôn sẵn sàng ngày đêm. Anh muốn chăm sóc con cái mình trưởng thành. Tôi quý mến Joe Lockhart, và báo chí dường như cũng thích anh. Bên cạnh đó, anh ấy muốn sát cánh bên tôi; chúng tôi sẽ có sự chuyển giao êm ái.

Tháng 7, trong khi tôi tiếp tục thực hiện nghị trình trong nước thì Dick Holbrooke bay đến Belgrade gặp Milosevic trong một nỗ lực giải quyết khủng hoảng Kosovo; Thủ tướng Hashimoto từ chức sau khi thất bại trong cuộc bầu cử ở Nhật; Nelson Mandela kết hôn với Graça Machel, một góa phụ dễ thương của cựu Tổng thống Mozambique và là nhân vật nổi bật trong cuộc chiến ngăn chặn sử dụng lính trẻ em trong chiến tranh ở châu Phi; và Ken Starr tiếp tục vụ án chống lại tôi.

Ông ta khẳng khái muốn đưa ra đối chất một số nhân viên Mật vụ của tôi, kể cả Larry Cockell, người đứng đầu bộ phận bảo vệ tôi. Nhân viên Mật vụ từ chối, và cựu Tổng thống Bush viết hai lá thư phản đối. Ngoại trừ khi tổng thống ở tại khu vực sinh hoạt của Nhà Trắng, Mật vụ luôn ở bên ông ấy hoặc ở ngay bên ngoài cửa. Mật vụ bảo vệ các tổng thống và các bí mật của họ. Mật vụ có thể tình cờ nghe thấy tất cả các trao đổi kể cả an ninh quốc gia, chính sách đối nội, khủng hoảng chính trị, và tranh cãi cá nhân. Sự tận tụy, chuyên nghiệp và tính bí mật của họ đã phục vụ đắc lực cho các tổng thống của cả hai đảng và quốc gia. Bây giờ Starr muốn đe dọa mọi thứ đó - không phải để điều tra chuyện tình báo, hay chuyện FBI lạm quyền như trong vụ Watergate, hay việc cố ý phạm luật như trong vụ Iran-Contra, mà chỉ để biết có hay không việc tôi trả lời gian dối và khuyến

khích Monica Lewinsky cũng nói dối trước những câu hỏi được đặt ra một cách mờ ám, trong một vụ kiện vô đạo đức ngay từ đầu.

Đến cuối tháng, Starr miễn trừ truy tố Monica Lewinsky để đổi lại việc cô ấy làm chứng trước đại bồi thẩm đoàn, và gửi lệnh gọi hầu tòa cho tôi. Ngày 29, tôi đồng ý tình nguyện đối chứng và trả hầu tòa được rút lại. Tôi không thể nói tôi mong chờ gì ngày đối chứng đó.

Đầu tháng 8, tôi gặp gỡ 10 tộc trưởng da đỏ ở Washington để tuyên bố một nỗ lực toàn diện nhằm tăng cường cơ hội giáo dục, y tế và kinh tế cho người da đỏ. Trợ lý các vụ việc liên chính phủ của tôi, Mickey Ibarra và Lynn Cutler, liên lạc viên với các bộ tộc, là làm việc cật lực chuẩn bị sáng kiến này, và nó thực sự cần thiết. Mặc dù nước Mỹ có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất trong 28 năm, tỷ lệ tội phạm thấp nhất trong 25 năm, và số phần trăm công dân sống nhờ phúc lợi thấp nhất trong 29 năm, nhưng các cộng đồng thổ dân vẫn chưa giàu có gì hơn từ thời bài bạc của họ, và vẫn đang phải sống nghèo khổ. Dưới 10% người da đỏ được đi học, số người mắc bệnh tiểu đường cao gấp ba lần người Mỹ da trắng, và họ vẫn có tỷ lệ thu nhập bình quân đầu người thấp nhất trong các nhóm thiểu số ở Mỹ. Một số cộng đồng thổ dân có tỷ lệ thất nghiệp quá 50%. Các tộc trưởng được khuyến khích thực hiện những biện pháp mới mà chúng tôi đang tiến hành, và sau cuộc họp tôi hy vọng có thể giúp họ.

Ngày hôm sau, đại sứ quán Mỹ ở Tanzania và Kenya bị đánh bom cách nhau năm phút, làm 257 người chết, trong đó có 12 người Mỹ và 5.000 người bị thương. Bằng chứng ban đầu cho thấy mạng lưới của Osama Bin Laden, được biết đến dưới cái tên Al Qaeda, đã tổ chức cuộc tấn công. Cuối tháng 2, Bin Laden đã đưa ra một fatwa (mệnh lệnh tôn giáo - ND) kêu gọi tấn công các mục tiêu quân sự và dân sự Mỹ ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Tháng 5, ông ta nói những người ủng hộ ông ta sẽ đánh vào mục tiêu của Mỹ ở vùng Vịnh và nói về việc “đưa chiến tranh đến sân nhà nước Mỹ”. Tháng 6, trong một cuộc phỏng vấn với phóng viên Mỹ, ông ta đã đe dọa sẽ bắn hạ máy bay quân sự Mỹ bằng tên lửa phòng không.

Đến lúc này chúng tôi đã theo dõi Bin Laden được nhiều năm. Ngay từ đầu nhiệm kỳ của tôi, Tony Lake và Dick Clarke đã thúc ép CIA cung cấp thêm thông tin về người Ả rập Xêút giàu có này, vốn bị trục xuất khỏi tổ quốc mình từ năm 1991, mất quyền công dân năm 1994, và đã nhập tịch vào Sudan.

Lúc đầu, Bin Laden có vẻ là người cung cấp tài chính cho hoạt động khủng bố, nhưng qua thời gian chúng tôi biết ông ta là người đứng đầu tổ chức khủng bố rất tinh vi, tiếp cận được tới khoản tiền lớn do ông ta được kế thừa, và có hoạt động ở một số nước, trong đó có Chechnya, Bosnia, và Philippines. Năm 1995, sau cuộc chiến Bosnia, chúng tôi đã ngăn chặn các nỗ lực của các mujahedin (chiến binh thánh chiến - ND) chiếm giữ Bosnia, và hợp tác cùng các quan chức địa phương phá vỡ âm mưu làm nổ tung hàng chục máy bay bay từ Phillipines đến bờ biển phía Tây Hoa Kỳ, nhưng mạng lưới xuyên quốc gia của Bin Laden vẫn tiếp tục phát triển.

Tháng giêng năm 1996, CIA thành lập một bộ phận chỉ tập trung vào Bin Laden và mạng lưới của ông ta, trực thuộc Trung tâm Chống Khủng bố, và không lâu sau đó chúng tôi bắt đầu thúc giục Sudan trục xuất Bin Laden. Lúc đó Sudan là thiên đường cực kỳ an toàn cho bọn khủng bố, kể cả những người Ai Cập toan ám sát Tổng thống Mubarak tháng 6 trước và đã giết hại người tiền nhiệm của ông là Anwar Sadat. Lãnh đạo Sudan là Hasan al-Turabi chia sẻ quan điểm cực đoan của Bin Laden, và cả hai đều dính líu đến những cuộc phiêu lưu làm ăn, điều hành hàng loạt các công việc từ hoạt động hợp pháp đến sản xuất vũ khí và ủng hộ khủng bố.

Chúng tôi ép Turabi trục xuất Bin Laden, yêu cầu Ả-rập Xê-út nhận ông ta. Người Ả-rập không muốn nhận lại Bin Laden, nhưng cuối cùng ông ta cũng rời Sudan giữa năm 1996, rõ ràng vẫn còn hòa hợp với Turabi. Ông ta chuyển đến Afghanistan nơi ông ta được chào đón bởi Mullah Omar, lãnh đạo Taliban - một nhóm Hồi giáo Sunni vũ trang mong muốn thiết lập một chế độ Hồi giáo cực đoan ở Afghanistan.

Tháng 9 năm 1996, Taliban chiếm được Kabul và bắt đầu lần chiếm các khu vực khác của đất nước. Đến cuối năm, nhóm đặc nhiệm phụ trách Bin Laden của CIA đã thu thập được nhiều thông tin quan trọng về ông ta và tổ chức của ông ta. Gần một năm sau, chính quyền Kenya bắt giữ một người mà họ tin rằng liên quan đến âm mưu khủng bố nhắm vào tòa đại sứ Mỹ ở đó.

Trong tuần sau vụ đánh bom, tôi vẫn giữ lịch trình làm việc bình thường, đi Kentucky, Illinois, và California để thúc đẩy bộ luật Quyền của Bệnh nhân và sáng kiến nước sạch của chúng tôi, và để giúp phe Dân chủ tranh cử ở những bang đó. Ngoài các sự kiện công cộng, tôi dành phần lớn thời gian của mình với bộ phận phụ trách An ninh Quốc gia để bàn cách phản ứng trước các vụ tấn công ở châu Phi.

Ngày 13 tháng 8, ở căn cứ không quân Andrews có tổ chức lễ tưởng niệm cho 10 trong số 12 nạn nhân Mỹ. Những người mà Bin Laden cho rằng đáng chết chỉ vì họ là người Mỹ, bao gồm một nhà ngoại giao chuyên nghiệp tôi đã từng gặp hai lần và con trai của ông; một phụ nữ vừa xin nghỉ phép để chăm sóc cha mẹ già; một viên chức ngoại giao gốc Ấn Độ từng làm việc khắp nơi trên thế giới cho Tổ quốc thứ hai của mình; một chuyên gia dịch tễ học làm việc để cứu trẻ em châu Phi khỏi bệnh tật và chết chóc; một người mẹ có ba con nhỏ; một phụ nữ kiêu hãnh vừa lên chức bà; một nhạc công nhạc Jazz nổi tiếng nhưng nghề chính là làm việc cho Bộ Ngoại giao; một viên chức quản lý đại sứ kết hôn với một người Kenya; và ba trung sĩ thuộc Lục quân, Không quân và Thủy quân lục chiến.

Dù thế nào đi nữa, Bin Laden đã bị đầu độc bởi niềm tin rằng ông ta sở hữu chân lý tuyệt đối và do đó được toàn quyền thay thế Thượng đế bằng cách giết những người dân vô tội. Vì chúng tôi đã săn đuổi tổ chức của ông ta trong nhiều năm, từ lâu tôi đã biết rằng ông ta là một kẻ thù đáng gờm. Sau vụ thảm sát ở châu Phi, tôi đặc biệt tập trung vào việc bắt giữ hoặc giết chết ông ta và tiêu diệt Al Qaeda.

Một tuần sau vụ đánh bom các đại sứ quán, và sau khi đã gửi một cuốn băng video lời tuyên bố của tôi tới nhân dân Kenya và Tanzania – những người phải chịu tổn thất lớn

hơn rất nhiều, tôi gặp gỡ nhóm nòng cốt về an ninh quốc gia. Cả CIA lẫn FBI đều xác nhận rằng vụ này do Al Qaeda tiến hành và báo rằng một số thủ phạm đã bị bắt.

Tôi còn nhận được tin tình báo rằng Al Qaeda có kế hoạch tấn công thêm một tòa đại sứ Mỹ nữa ở Tirana, Albania, và rằng kẻ thù của chúng tôi cho rằng nước Mỹ dễ bị tấn công vì chúng tôi bị phân tâm về những tranh cãi về chuyện đời tư của tôi. Chúng tôi đóng cửa tòa đại sứ ở Albania, đưa Thủy quân lục chiến trang bị đầy đủ đến canh gác tòa đại sứ, và bắt đầu hợp tác với giới chức địa phương để phá vỡ mạng lưới Al Qaeda ở đó. Nhưng chúng tôi vẫn còn đại sứ ở các nước mà Al Qaeda có hoạt động.

CIA cũng có tin tình báo rằng Bin Laden và thuộc hạ cao cấp của ông ta chuẩn bị gặp nhau tại một trong những trại của ông ta ở Afghanistan và ngày 20 tháng 8, để đánh giá tác động của các vụ tấn công của chúng và lên kế hoạch hoạt động tiếp theo. Cuộc họp này là một cơ hội để chúng tôi trả đũa và có thể tiêu diệt phần lớn lãnh đạo của Al Qaeda. Tôi yêu cầu Sandy Berger chuẩn bị một cú đáp trả bằng quân sự. Chúng tôi phải chọn mục tiêu, đưa vũ khí cần thiết vào vị trí, và tìm cách đối phó với Pakistan. Nếu chúng tôi sử dụng oanh kích, các máy bay sẽ phải bay qua không phận Pakistan.

Dù chúng tôi cố gắng hợp tác với Pakistan để tháo gỡ những căng thẳng ở vùng tiểu lục địa Ấn Độ, cũng như Pakistan và Mỹ từng là đồng minh trong Chiến tranh Lạnh, Pakistan lại ủng hộ Taliban và, do đó coi như ủng hộ Al Qaeda. Cơ quan tình báo Pakistan sử dụng một số trại, nơi Bin Laden và Al Qaeda từng dùng để huấn luyện Taliban, để huấn luyện các tay súng hoạt động ở Kashmir. Nếu Pakistan biết trước các kế hoạch tấn công của chúng tôi, thì rất có thể tình báo Pakistan sẽ cảnh báo cho Taliban hoặc thậm chí cho Al Qaeda. Mặt khác, Thứ trưởng Ngoại giao Strobe Talbott, người từng cố giảm thiểu nguy cơ xung đột quân sự tại tiểu lục địa Ấn Độ, thì lo sợ nếu chúng tôi không thông báo cho Pakistan, họ có thể tưởng các tên lửa của chúng tôi là do Ấn Độ phóng vào họ, và có thể quyết định trả đũa thậm chí bằng vũ khí hạt nhân.

Chúng tôi quyết định cử tướng Joe Ralston, Phó chủ tịch Hội đồng Tham mưu Liên quân, đi ăn tối với Chỉ huy cao cấp quân đội Pakistan vào đúng lúc chúng tôi dự định tấn công. Ralston sẽ giải thích cho ông ta chuyện sắp xảy ra vài phút trước khi tên lửa của chúng tôi bay vào không phận Pakistan, quá muộn để cảnh báo Taliban hay Al Qaeda, nhưng đủ thời gian để tránh việc Pakistan bắn hạ những tên lửa này, hoặc phản công vào Ấn Độ.

Nhóm an ninh quốc gia của tôi còn lo ngại một điều nữa: việc ra làm chứng của tôi trước đại bồi thẩm cách đó ba ngày, ngày 17 tháng 8. Họ sợ rằng điều đó sẽ khiến tôi do dự với cú tấn công này, và nếu như tôi có ra lệnh tấn công, tôi sẽ bị cáo buộc rằng làm như vậy để đánh lạc hướng dư luận khỏi những rắc rối của tôi, đặc biệt là nếu cú đánh không hạ được Bin Laden. Tôi bảo họ một cách rõ ràng rằng việc của họ là khuyên tôi về an ninh quốc gia. Nếu họ đề nghị tấn công vào ngày 20, chúng tôi sẽ làm như vậy. Tôi nói việc cá nhân tôi để tôi lo. Ngay cả chuyện đó cũng không còn nhiều thời gian nữa.